# ĐỊA LÍ 6 – SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VÀ CUỘC SỐNG

**Trường:.....** Họ và tên giáo viên:
**Tổ:.....**
*Ngày:* ..... .....

## TÊN BÀI DẠY: BÀI MỞ ĐẦU

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

Học sinh hiểu được nội dung cơ bản, nhiệm vụ của bộ môn Địa Lý lớp 6.
- Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.
- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.
- Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết bị dạy học:
+ quả địa cầu, bản đồ thế giới, tranh ảnh địa lý.
- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Học địa lí ở tiêu học HS được tìm hiểu những nội dung gì?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của môn Địa lí

**a. Mục đích:** HS Trình bày được các khái niệm cơ bản của địa lí như Trái Đất, các thành phần tự nhiên của TĐ và các kĩ năng cơ bản của bộ môn như quan sát lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, bảng số liệu …

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của môn Địa lí

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc thông tin SGK và quan sát các hình ảnh minh hoạ về mô hình, bản đồ, biểu đồ. Cho biết:<br>1/ Những khái niệm cơ bản trong địa lí hay dùng.<br>2/ ý nghĩa<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của môn Địa lí**<br>-Khái niệm cơ bản của địa lí như Trái Đất, các thành phần tự nhiên của TĐ và các kĩ năng cơ bản của bộ môn như quan sát lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, bảng số liệu …<br>-> Giúp các em học tốt môn học, thông qua đó có khả năng giải thích và ứng xử phù hợp khi bắt gặp các hiện tượng thiên nhiên diễn ra trong cuộc sống hàng ngày |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về môn Địa lí và những điều lí thú

**a. Mục đích:** HS biết được khái niệm về những điều lí thú, kì diệu của tự nhiên mà

các em sẽ được học trong môn địa lí
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Môn Địa lí và những điều lí thú
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS thảo luận theo nhóm<br>? Hãy cho biết những nội dung nào được đề cập đến trong SGK Địa Lý 6<br>? Nêu ra những lí thú từ những bức tranh<br>? Kể thêm 1 số điều lí thú về tự nhiên và con người mà em biết<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Môn Địa lí và những điều lí thú**<br><br>-Trên Trái Đất có những nơi mưa nhiều quanh năm, thảm thực vật xanh tốt, có những nơi khô nóng, vài năm không có mưa, không có loài thực vật nào có thể sinh sống<br><br>- Học môn Địa lí sẽ giúp các em lần lượt khám phá những điều lí thú trên. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về Địa lí và cuộc sống**
**a. Mục đích:** HS biết được vai trò của kiến thức Địa lí đối với cuộc sống
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Địa lí và cuộc sống
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV tổ chức thảo luận cặp đôi và theo lớp, yêu cầu HS thảo luận và nêu ví dụ cụ thể để thấy được vai trò của kiến thức Địa lí đối với cuộc sống<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
|---|
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS sưu tầm những câu ca dao và tục ngữ về hiện tượng tự nhiên nước ta.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>- Chuồn chuồn bay thấp thì mưa<br>Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.<br>- Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.<br>- Cơn đẳng đông vừa trông vừa chạy.<br>Cơn đẳng nam vừa làm vừa chơi.<br>Cơn đẳng bác đổ thóc ra phơi.<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

.....

## CHƯƠNG 1. BẢN ĐỒ — PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

Chương này học về bản đồ - phương tiện dạy học không thể thiếu đối với phân môn Địa lí ở trường phổ thông. Bản đồ đã được HS biết và sử dụng trong học tập và đời sống, nhưng chưa được học một cách đầy đủ các yếu tố bản đồ cũng như cách sử dụng bản đồ.

Chương này sẽ giúp HS tìm hiểu các kiến thức về bản đồ một cách đầy đủ, khoa học, từ đó giúp HS khai thác tốt hơn bản đồ. GV có thể mở đầu bằng cách giới thiệu hình ảnh trong SGK: bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á. Sau đó, GV định hướng các nội dung sẽ tìm hiểu trong chương này:
- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí
- Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới. Phương hướng trên bản đồ
- Tỉ lệ bản đồ
- Hệ thống kí hiệu. Bảng chú giải bản đồ
- Một số bản đồ thông dụng
- Tìm đường đi trên bản đồ
- Lược đồ trí nhớ

**TÊN BÀI DẠY: Bài 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN. TOA ĐỘ ĐỊA LÍ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:
- Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độ địa lí, kinh độ, vĩ độ.
- Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết sử dụng quả Địa Cầu để nhận biết các kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, bán cầu Đông, bán cầu Tây, bán cầu Bắc, bán cầu Nam. Biết đọc và ghi toạ độ địa lí của một địa điểm trên quả Địa Cầu.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**
- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, ý thức và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thôngqua xác định các điểm cực của đất nước trên đất liền..

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**
- Quả Địa Cầu
- Các hình ảnh về Trái Đất
- Hình ảnh, video các điểm cực trên phần đất liền lãnh thổ Việt Nam

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

## Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: ngày nay các con tàu ra khơi đề có gắn các thiết bị định vị để thông báo vị trí cảu tàu. Vậy dựa vào âu để người ta xác định được vị trí của con tàu đang lênh đênh trên biển<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến

**a. Mục đích:** HS Trình bày được khái niệm về hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến; xác định được toạ độ trên quả địa cầu

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Hệ thống kinh, vĩ tuyến

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung chính</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập<br>GV: HS quan sát quả Địa Cầu, từ đó yêu cầu HS nhận xét về hình dạng<br>HS thảo luận những nội dung sau.
<table>
<tr><th>Nhóm</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Hình dạng, kích thước Trái Đất</td><td>Hình dạng: ....<br>Kích thước: ....</td></tr>
<tr><td>Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến.</td><td>Khái niệm:<br>Kinh tuyến: .....<br>Kinh tuyến gốc: ....<br>Vĩ tuyến: .....</td></tr>
<tr><td colspan="2">So sánh độ dài giữa các kinh tuyến với nhau, giữa các vĩ tuyến với nhau.</td></tr>
</table>
HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe<br>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ</td><td>1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến<br><br>-Kinh tuyến là những nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa cầu.<br><br>- Vĩ tuyến là những vòng tròn bao quanh quả Địa cầu và vuông góc với các kinh tuyến<br><br>- Kinh tuyến gốc là đường đi qua đài thiên văn Grin – Uýt ở ngoại ô Luân Đôn - thủ đô nước Anh (đánh số độ là 0$^o$)<br><br>+ Dựa vào kinh tuyến gốc</td></tr>
</table>

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | (kinh tuyến 0°) và kinh tuyến 180° đối diện để nhận biết kinh tuyến đông, kinh tuyến tây. Dựa vào vĩ tuyến gốc (Xích đạo) để biết vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam.<br><br>+ Các kinh tuyến có độ dài bằng nhau. Các vĩ tuyến có độ dài khác nhau. |

## Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí

**a. Mục đích:** HS biết được khái niệm Kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí và cách xác định trên bản đồ, lược đồ

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí và lí

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Quan sát hình 4 và thông tin SGK thảo luận cặp đô các nội dung sau<br>1/ Khái niệm kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí.<br> 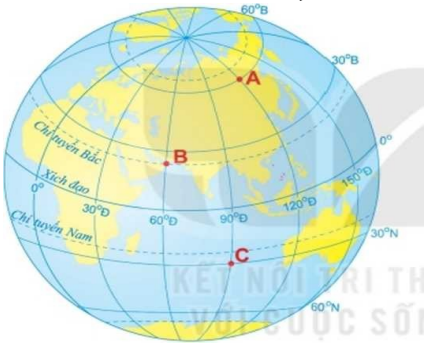 <br><br>2/ Xác định toạ độ địa lí của các điểm A, B, c trên hình 4<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí**<br>- Kinh độ của 1 điểm là số độ chỉ khoảng cách từ kinh tuyến đi qua điểm đó tới kinh tuyến gốc.<br>- Vĩ độ của 1 điểm là số độ chỉ khoảng cách từ vĩ tuyến đi qua địa điểm đó đến vĩ tuyến gốc.<br>- Tọa độ địa lý của một điểm là nơi giao nhau giữa kinh độ và vĩ độ của điểm đó.<br><br>Cách viết: $c\,10^0B\,20^0T$<br>Hoặc c ($20^0$ T, $10^0$ B) |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS tra cứu internet và xác định được toạ độ địa lí của các điểm cực phần đất liền của nước ta:<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: Bài 2. BẢN ĐỒ MỘT SỐ LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN. PHƯƠNG HƯỚNG TRÊN BẢN ĐỒ**
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đồ.
- Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Nêu được sự cần thiết của bản đồ trong học tập và đời sống_

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Xác định phương hướng trên bản đồ. So sánh sự khác nhau giữa các lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Tôn trọng sự thật về hình dạng, phạm vi lãnh thổ của các quốc gia và vùng lãnh thổ..

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Quả Địa Cầu
- Một số bản đồ giáo khoa treo tường thế giới được xây dựng theo một số phép chiếu khác nhau
- Phóng to hình 1 trong SGK
- Các bức ảnh vệ tỉnh, ảnh máy bay của một vùng đất nào đó để so sánh với bản đồ

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi...

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS được quan sát tình huống sau | |

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
HS: Trình bày kết quả

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới
HS: Lắng nghe, vào bài mới

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ

**a. Mục đích:** HS Trình bày được khái niệm bản đồ, các dạng bản đồ, các cấp tỉ lệ.
**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS thảo luận những nội dung sau.<br>1. Em hãy cho biết quả Địa cầu và bản đồ có điểm gì giống và khác nhau.<br>2. Hãy nêu một số ví dụ cụ thể về vai trò của bản đồ trong học tập và đời sống<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Khái niệm bản đồ:**<br>-Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phăng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ..<br><br>-. Vai trò của bản đồ trong học tập và đời sống: bản đồ để khai thác kiến thức môn Lịch sử và Địa lí; bản đồ để xác định vị trí và tìm đường đi; bản đồ để dự báo và thể hiện các hiện tượng tự nhiên (bão, gió,...), bản đồ để tác chiến trong quân sự. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

**a. Mục đích:** HS biết các dạng biểu đồ tương ứng với nó là các đường kinh và vĩ tuyến
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV giải thích cho HS hiểu được rằng muốn có bản đồ phải trải qua các bước:<br>- GV treo một số bản đồ thế giới lên bảng và dựa vào hình I1 trong SGK, yêu cầu HS: Quan sát hình 1, em hãy mô tả hình dạng lưới kinh, vĩ tuyến ở mỗi bản đồ HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới**<br>- Bản đồ thế giới theo lưới chiếu hình nón): Kinh tuyến là những đoạn thẳng đồng quy ở cực, vĩ tuyến là những cung tròn đồng tâm ở cực bản đồ thế giới theo lưới chiếu hình trụ đứng đồng góc - Mercator):<br>- Hệ thống kinh, vĩ tuyến đều là những đường thẳng song song và vuông góc với nhau |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về Phương hướng trên bản đồ

**a. Mục đích:** HS biết các dạng biểu đồ tương ứng với nó là các đường kinh và vĩ tuyến
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV yêu cầu HS quan sát hình 2, cùng với đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Dựa vào đâu để xác định được phương hướng trên bản đồ? Có những hướng chính nào?<br>- Dựa vào bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á ở trang 101, em hãy xác định hướng đi từ Hà Nội đến các địa điểm: Bàng Cốc, Ma-ni-la, Xin-ga-po.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3. Phương hướng trên bản đồ**<br>- Đầu trên của các kinh tuyến chỉ hướng bắc, đầu dưới chỉ hướng nam.<br>- Đầu bên trái của các vĩ tuyến chỉ hướng tây, đầu bên phải chỉ hướng đông |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | 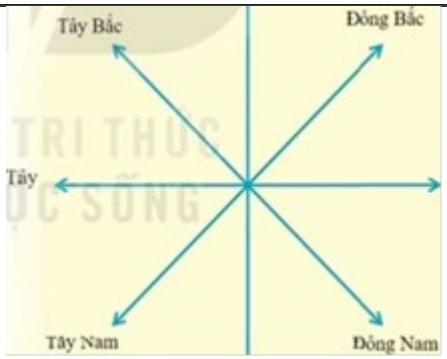 |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS sưu tâm một bản đồ và giới thiệu với các bạn về tấm bản đồ đó với các yêu cầu: Đó là bản đồ gì (tên bản đồ)? Bản đồ đó có hệ thống kinh, vĩ tuyến không? Nội dung bản đồ? Tấm bản đồ có ý nghĩa gì?,.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: Bài 3. TỈ LỆ BẢN ĐỒ. TÍNH KHOẢNG CÁCH THỰC TẾ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

Biết được tỉ lệ bản đồ là gì, các loại tỉ lệ bản đồ_

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Tính khoảng cách thực tế giữa hai điểm dựa vào tỉ lệ bản đồ
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bản đồ giáo khoa treo tường có cả tỉ lệ số và tỉ lệ thước
- Bản đồ hình 1 trong SGK

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: GV treo 2 tờ bản đồ. Ví dụ hỏi HS tại sao bản đồ hành chính Việt Nam trong Atlat Địa lí Việt Nam có kích thước 28 x 35 cm. Trong khi đó bản đồ hành chính Việt Nam treo tường lại có kích thước 84 x 116 cm?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Tỉ lệ bản đồ

**a. Mục đích:** HS Trình bày được các phương hướng trên bản đồ và trên thực địa
**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Tỉ lệ bản đồ
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV có thể cho HS quan sát hai bản đồ trong SGK: bản đổ Hành chính Việt Nam (trang 110) và bản đổ Các nước Đông Nam Á (trang 101) rồi yêu cầu HS:<br>1/ nhận xét về kíchthước lãnh thổ Việt Nam và mức độ chỉ tiết về nội dung của hai bản đồ và tại sao có sự khácnhau đó?<br>2/ HS rút ra nhận xét sự khác nhau về kích thước và mức độ chỉ tiết về nội dung của hai bản đồ là do chúng có tỉ lệ khác nhau<br>3/ khái niệm tỉ lệ bản đổ và ý nghĩa của nó<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Tỉ lệ bản đồ**<br>Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu<br><br>+ Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ: cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đổ so với thực tế là bao nhiêu. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

**a. Mục đích:** HS biết được cách đo tỉ lệ trên bản đồ và ngoài thực địa
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu<br>1/ Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 6 000 | **2. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ**<br>- Nguyên tắc: muốn đo khoảng |

| | |
|---|---|
| 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố Hải Phòng và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) lần lượt là 1,5 cm và 5 cm, vậy trên thực tế hai thành phố đó cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?<br>2/ Hai địa điểm có khoảng cách thực tế là 25 km, thì trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 500 000, khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | cách thực tế của hai điểm, phải đo được khoảng cách của hai điểm đó trên bản đồ rồi dựa vào tỉ lệ số hoặc thước tỉ lệ để tính.<br>- Nếu trên bản đồ có tỉ lệ thước, ta đem khoảng cách AB trên bản đồ áp vào thước tỉ lệ sẽ biết được khoảng cách AB trên thực tế |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS quan sát bản đồ và thực hiện yêu cầu sau. | |

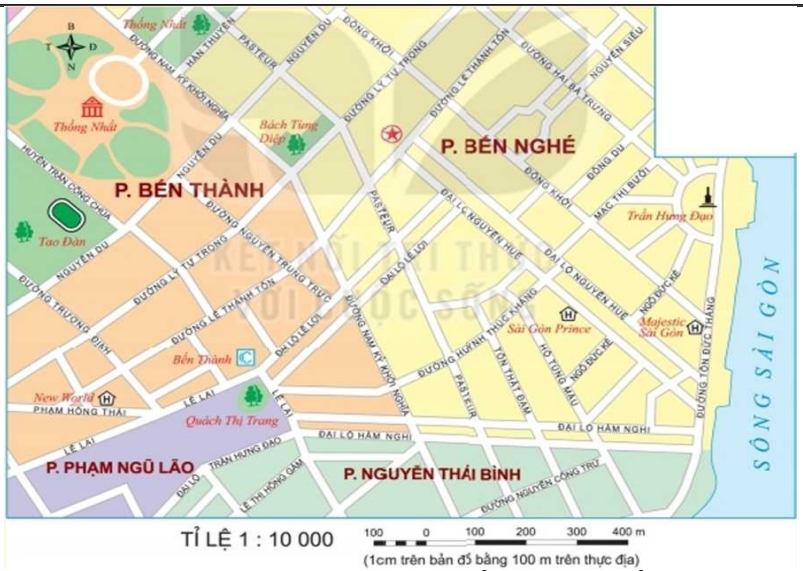


Căn cứ vào tỉ lệ thước hoặc tỉ lệ số của bản đồ hình 1, em hây:
- Đo và tính khoảng cách theo đường chim bay từ chợ Bến Thành đến Công viên Thống Nhất.
- Tính chiều dài đường Lê Thánh Tôn từ ngã ba giao với đường Phạm Hồng Thái đến
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
HS: trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Chuẩn kiến thức
HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

.....

**TÊN BÀI DẠY: Bài 4. KÍ HIỆU VÀ BẢNG CHÚ GIẢI BẢN ĐỒ. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

+ Hiểu rõ khái niệm ký hiệu bản đồ là gì
+ Biết các loại ký hiệu được sử dụng trong bản đồ.
+ Biết dựa vào bản đồ lý giải để tìm hiểu đặc điểm các đối tượng địa lý trên bản đồ

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Đọc được các kí hiệu và chú giải trên các bản đồ. Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.Biết tìm đường đi trên bản đồ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Giáo viên**

- Một số bản đổ giáo khoa như bản đổ hình thể, các miền tự nhiên, bản đồ địa hình tỉ lệ lớn, bản đổ hành chính,...
- Các bản đồ trong SGK: bản đổ hành chính Việt Nam; bản đồ tự nhiên thế giới bán cầu Tây, bán cầu Đông; một số bản đồ địa phương có tỉ lệ lớn như bản đồ các điểm du lịch để HS vận dụng cách tìm đường đi trên bản đồ

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi...

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS quan sát tình huống sau<br> <br><br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ

**a. Mục đích:** HS Trình bày được khái niệm, các loại kí hiệu của bản đồ

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Cho HS quan sát 1 số bản đồ. Thảo luận theo nhóm nội dung sau.<br>**Nhóm 1,3**<br>? Trên BĐ người ta thể hiện những gì?<br>? Ký hiệu bản đồ là gì?<br>**Nhóm 2,4**<br>Hãy kể thêm tên một số đối tượng địa lí được thể hiện bằng các loại kí hiệu: điểm, đường, diện tích.<br>**Nhóm 5,6**<br>Quan sát hai bảng chú giải ở hình 2, hãy:<br>-Cho biết bảng chú giải nào của bản đồ hành chính, bảng chú giải nào của bản đồ tự nhiên.<br>-Kể ít nhất ba đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ hành chính và ba đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ tự nhiên<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ**<br>a. Định nghĩa:<br>Ký hiệu BĐ là những dấu hiệu quy ước ( mầu sắc, hình vẽ) thể hiện đặc trưng các đối tượng địa lý<br>Các loại ký hiệu:<br>Kí hiệu điểm: •4* Sân bay; Càng biển; ♦ Nhà máy thuỷ<br>Kí hiệu đường: Biên giới quốc gia; ------ Đường bộ<br>Kí hiệu diên: Đất cát; Đất phù sa sông; Đất phèn<br>b/ Bảng chú giải<br>+ Trong bảng chú giải của bản đồ hành chính thể hiện các đối tượng: Thủ đô, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố, thị xã đó là những đơn vị hành chính và các đối tượng khác như biên giới quốc gia, ranh giới tỉnh, giao thông, sông ngòi,...<br>+ Trong bảng chú giải của bản đồ tự nhiên thể hiện: phân tầng độ cao, độ sâu (đậm,nhạt), đỉnh núi, điểm độ sâu, sông ngòi,... |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Đọc một số bản đồ thông dụng

**a. Mục đích:** HS biết được các cách đọc bản đồ tự nhiên và bản đồ hành chính.
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Đọc một số bản đồ thông dụng
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>a) Cách đọc bản đồ<br>GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước khi đọc một bản đổ và gọi một số HS trình bày lại cách đọc bản đổ trên 1 bản đồ cụ thể được treo trên bảng.<br>b) Đọc bản đồ tự nhiên và bản đồ hành chính<br>- GV hướng dẫn HS quan sát, cùng trao đổi và hoàn thành việc đọc bản đổ này theo gợi ý. Hoặc GV có thể chia lớp thành các nhóm để đọc bản đổ này, các nhóm khác trao đổi và bổ sung cho hoàn chỉnh.<br>Đọc bản đồ tự nhiên thế giới trang 96 - 97 SGK<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Đọc một số bản đồ thông dụng:**<br>a) **Cách đọc bàn đồ**<br>- Đọc tên bản đò<br>- Biết tỉ lệ bản đồ<br>- Đọc kí hiệu.<br>- Xác định các đối tượng địa lí cần quan tâm trên bản đồ.<br>- Trình bày mối quan hệ của các đối tượng địa lí.<br><br>b**) Đọc bản đồ tự nhiên và bản đồ hành chính**<br>- Đọc bản đồ tự nhiên:<br>+ Nội dung và lãnh thổ<br>+ Tỉ lệ bản đồ<br>+ Bảng chú giải thể hiện các yếu tố<br>+ Kế tên các đối tượng địa lí cụ thể<br>**- Đọc bản đồ hành chính** |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về Tìm đường đi trên bản đồ

**a. Mục đích:** HS biết được các cách đọc bản đồ tự nhiên và bản đồ hành chính.
**b. Nội dung:**Tìm đường đi trên bản đồ
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV lựa chọn một tờ bản đồ du lịch của một thành phố nào đó hay sơ đồ một khu du lịch, một khu vực của thành phố. Sau đó giới thiệu các bước để tìm đường đi. HS quan sát GV thực hiện và ghi nhớ các bước như trong SGK<br>) 1. Tìm trên bản đồ hình 3 các địa điểm: Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, Ga Đà Lạt, Bảo tàng | **3. Tìm đường đi trên bản đồ**<br>Để tìm đường đi trên bản đồ, cần thực hiện theo các bước sau:<br>***Bước 1:*** Xác định nơi đi và nơi đến, hướng đi trên bản đồ.<br>***Bước 2:*** Tìm các cung đường có thể đi và lựa chọn cung đường thích hợp với mục đích |

| | |
|---|---|
| Lâm Đồng.<br>2. Mô tả đường đi từ Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt đến Ga Đà Lạt, từ Ga Đà Lạt đến Bảo tàng Lâm Đồng<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | (ngắn nhất, thuận lợi nhất hoặc yêu cầu phải đi qua một số địa điểm cần thiết), đảm bảo tuân thủ theo quy định của luật an toàn giao thông.<br>***Bước 3:*** Dựa vào tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế sẽ đi. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Đọc các kí hiệu bản đồ trên bản đồ của tỉnh mình.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | |

| | |
|---|---|
| GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

.....

**TÊN BÀI DẠY: Bài 5. LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

Biết được thế nào là lược đồ trí nhớ.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Vẽ được lược đồ trí nhớ về một số đối tượng địa lí thân quen.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thêm gắn bó với không gian địa lí thân quen, yêu trường lớp, yêu quê hương
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết bị dạy học:

+ bản đồ SGK, bản đồ khu vực giờ, quả Địa cầu, đèn pin

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Trong cuộc sống hằng ngày, nhiều lúc các em sẽ gặp tình huống hỏi đường từ những khách du lịch hoặc người từ nơi khác đến. Vậy làm thế nào để các em có thể giúp họ đến | |

| | |
|---|---|
| đúng nơi họ muốn tới mà không phải trực tiếp dẫn đi?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Khái niệm lược đồ trí nhớ

**a. Mục đích:** HS Trình bày Khái niệm lược đồ trí nhớ.
**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Khái niệm lược đồ trí nhớ
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:<br>1/ Thế nào là lược đồ trí nhớ ?<br>2/ Lược đồ trí nhớ có tác dụng gì trong cuộc sống?<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Khái niệm lược đồ trí nhớ**:<br>-Lược đồ trí nhớ là những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong trí óc con người. Lược đồ trí nhớ được đặc trưng bởi sự đánh dấu các địa điểm mà một người từng gặp, từng đến,...<br>- Lược đồ trí nhớ của một người phản ánh sự cảm nhận của người đó về không gian sống và ý nghĩa của không gian ấy đối với cá nhân |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Vẽ lược đồ trí nhớ

**a. Mục đích:** HS biết Vẽ lược đồ trí nhớ đường đi và lược đồ một khu vực
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Vẽ lược đồ trí nhớ
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS làm việc theo nhóm.<br>Nhóm 1,2,3: Vẽ lược đồ trí nhớ đường đi - Em hãy mô tả đường đi từ nhà em tới trường và trình bày trước lớp | **2. Vẽ lược đồ trí nhớ**<br><br>- Các điểm cần xác định để vẽ được biểu đồ trí nhớ: điểm đầu, điểm kết thúc, hướng đi, |

| | |
|---|---|
| Nhóm 4,5,6: Vẽ lược đồ một khu vực - Em hãy mô tả trường em qua trí nhớ của mình và trình bày trước lớp.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | các điểm mốc,<br><br>- Gồm: lược đồ trí nhớ đường đi và lược đồ một khu vực |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Vẽ sơ đồ trường em đang học.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức | |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

.....

**TÊN BÀI DẠY: Ôn tập giữa kì I**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí
- Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới. Phương hướng trên bản đồ
- Tỉ lệ bản đò
- Hệ thống kí hiệu bản đồ. Bảng chú giải bản đồ
- Một số bản đò thông dụng
- Tìm đường đi trên bản đồ
- Lược đồ trí nhớ

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1, quả địa cầu.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách giáo khoa, compa. máy tính

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|

| | |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: GV cho HS nghe 1 đoạn của bài hát Sông quê trong đó có đoạn ..có dòng sông bên lở bên bồi …<br>HS giải thích vì sao có hiện tượng trên.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: học sinh làm các bài tập để củng cố kiến thức

**a. Mục đích:** HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Hệ thống kiến thức bằng hệ thống bảng

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau

**Nhóm 1,3:**

Câu 1. Vẽ sơ đồ thể hiện nội dung đã học ở chương 1.

HS tự chọn loại sơ đồ phù hợp với các yêu cầu: tiêu đề chương, nội dung chương, sắp
xếp thứ tự và nội dung của từng vấn đề (từng bài) theo một logic kiến thức của bản đồ về
địa lí... Căn cứ vào những đặc điểm trên để tổng kết dưới dạng sơ đồ phù hợp nội dung
kiến thức của chương.

Câu 2. Dựa vào hình vẽ quả Địa Cầu dưới đây, em hãy cho biết thế nào là kinh tuyến,
vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, Xích đạo, toạ độ địa lí của một điểm.

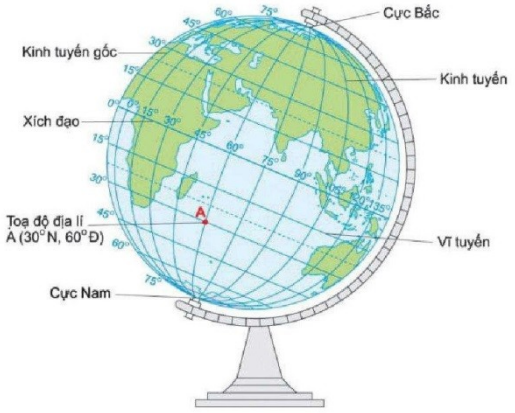


Gợi ý: HS liên hệ kiến thức bài 1 và hình vẽ để trả lời các khái niệm: kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, Xích đạo, toạ độ địa lí của một điểm.

**Nhóm 2,4:**
Câu 3. Cho biết hình dạng lưới chiếu của bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á trang 101 SGK.

Gợi ý: Dựa vào bản đồ, quan sát để đưa ra nhận xét: kinh tuyến là những đường thẳng,
không song song nhau. Vĩ tuyến là những đường cong.

Câu 4. Dựa vào các tỉ lệ bản đổ sau đây: I : I 000; 1 : 500 000 và 1 : 9 000 000, cho biết 5 cm
trên mỗi bản đồ tương ứng với bao nhiêu ki-lô-mét trên thực tế.

GỢI ý:

- Bản đổ tỉ lệ 1 : 1 000 thì 5 cm tương ứng với 50 m ngoài thực địa.

- Bản đồ tỉ lệ 1 : 500 000 thì 5cm tương ứng 25 km ngoài thực địa.

- Bản đồ tỉ lệ 1 : 9 000 000 thì 5 cm tương ứng 450 km ngoài thực địa.

**Nhóm 5,6:**
Câu 5. Sử dụng Google Maps, tìm vị trí nhà em (hoặc xã, phường, thị trấn nơi em ở),
sau đó tìm đường đi và khoảng cách từ đó đến các địa điểm khác mà em muốn tới.

Câu 6. Em hãy vẽ lược đồ trí nhớ một khu vực mà em từng đến (chợ, siêu thị, toà nhà,
công viên,...) hoặc vẽ lược đồ trí nhớ từ nhà em đến khu vực đó

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

## Hoạt động 2.2: HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm

**a. Mục đích:** HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm
**b. Nội dung:** Tìm hiểu HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV : HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm trên màn chiếu. | 2/ HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Sưu tầm các câu ca dao tục ngữ liên quan đến thời tiết, khí hậu cảu Việt Nam<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

.....

**TÊN BÀI DẠY: Bài 6. TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác,...
- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Quan sát các hiện tượng trong thực tế để biết được hình dạng của Trái Đất..
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Mong muốn tìm hiểu, yêu quý và bảo vệ Trái Đất.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Quả Địa Cầu
- Mô hình hệ Mặt Trời
- Các video, hình ảnh về Trái Đất và hệ Mặt Trời

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chúng ta đang sống trên Trái Đất, một hành tinh trong Vũ Trụ bao la, chắc hẳn không ít lần chúng ta đặt câu hỏi về nơi mình đang sống: Trái Đất nằm ở đâu trong Vũ Trụ? Trái Đất có hình dạng như thế nào<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời

**a. Mục đích:** HS biết được vị trí của TĐ trong hệ Mặt Trời và ý nghĩa của khoảng cách đó

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS suy nghĩ, trao đổi cặp đoi thông tin sau<br>Dựa vào hình 1, em hãy cho biết<br> <br><br>- Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời.<br>- Ý nghĩa của khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời.HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời**<br><br>-Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 theo thứ tự xa dần Mặt Trời<br><br>- Ý nghĩa: Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là khoảng cách lí tưởng giúp cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể tồn tại và phát triển |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Hình dạng, kích thước của Trái Đất

**a. Mục đích:** HS biết hình dạng, kích thước của Trái Đất

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Hình dạng, kích thước của Trái Đất

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi sau.<br>Có bạn cho rằng Trái Đất là một mặt phang. Bằng hiểu biết và các thông tin, hình ảnh trong bài, em hãy nêu một số ví dụ để thuyết phục bạn đó rằng Trái Đất có dạng khối cầu<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Hình dạng, kích thước của Trái Đất**<br>-Trái Đất có hình cầu.<br><br>- Trái Đất có bán kính Xích đạo là 6 378 km, diện tích bề mặt là 510 triệu km2.<br>-> Nhờ có kích thước và khối lượng đủ lớn, Trái Đất đã tạo ra lực hút giữ được các chất khi làm thành lớp vỏ khi bảo vệ mình |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
|---|
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: 1. Dựa vào hình 1, hãy nêu tên các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời.<br>2. Giả sử có người sinh sống ở hành tinh khác, em hãy viết một lá thư ỉ' khoảng 10 dòng giới thiệu về Trái Đất của chúng ta với họ. | |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

.....

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 7. CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

-Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

- Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vực), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến

- So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Thiết bị dạy học:

+ Quả địa cầu, tranh vẽ 23, 24, 25. (SGK).

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi...

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Trái Đất không đứng yên mà luôn tự quay quanh trục. Điều đó dẫn tới những hệ quả có tác động lớn với đời sống con người. Trái Đất tự quay như thế nào và dẫn tới những hệ quả gì?.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

## Hoạt động 2.1: Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất

**a. Mục đích:** HS Trình bày được

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau trên T

**c** ...vi, bài làm của học sinh

**d**

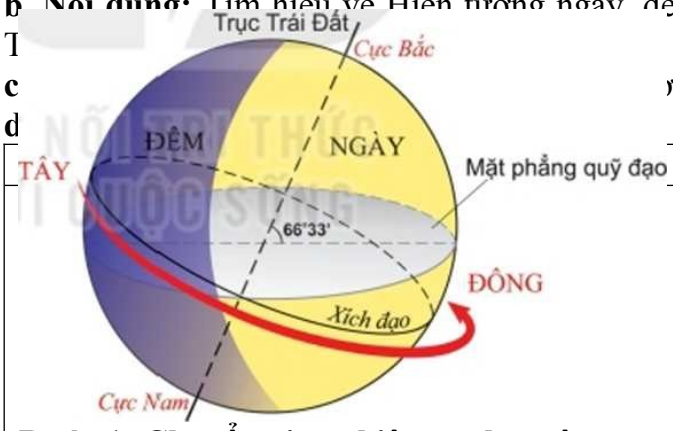


| | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Giới thiệu hình<br>1. Dựa vào hình 1 và thông tin trong mục 1, em hãy cho biết:<br>- Hướng tự quay quanh trục của Trái Đất.<br>- Góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay.<br>- Thời gian Trái Đất tự quay quanh trục hết một vòng.<br>2. Sử dụng quả Địa cầu để mô tả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất**<br>- Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông.<br><br>- Thời gian Trái Đất tự quay 1 vòng quanh trục là 24h. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Ở hai miền cực số ngày có ngày, đêm dài suốt 24 giờ thay đổi theo mùa

**a. Mục đích:** HS biết được khái niệm về

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Ở hai miền cực số ngày có ngày, đêm dài suốt 24 giờ thay đổi theo mùa

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | **2. Hệ quả chuyển động** |

| | |
|---|---|
| GV:<br>**a/ Ngày đêm luân phiên**<br>HS Sử dụng quả Địa cầu để trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên trên Trái Đất<br>**b/ Giờ trên Trái Đất**<br>1. Dựa vào hình 2, em hãy:<br>- Cho biết tên một số quốc gia sử dụng giờ của nhiều khu vực.<br>- Kể tên một số quốc gia sử dụng cùng khu vực giờ với Việt Nam.<br>2. Đêm gala nghệ thuật "Sắc màu văn hoá bốn phương" được truyền hình trực tiếp vào 20 giờ ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Việt Nạm. Vậy khi đó ở các địa điểm Xơ-un (Hàn Quốc), Mát-xcơ-va (Nga), Ma-ni-la (Phi-líp-pin) là mấy giờ?<br>**c/ Sự lệch hướng chuyển động của vật thể**<br>Quan sát hình 4, em hãy cho biết:<br>- Ở bán cầu Bắc, vật thể chuyển động theo chiều kinh tuyến lệch về bên trái hay bên phải so với hướng di chuyển ban đầu.<br>- Ở bán cầu Nam, vật thể chuyển động theo chiều kinh tuyến lệch về bên trái hay bên phải so với hướng di chuyển ban đầu.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **tự quay quanh trục của Trái Đất.**<br>a) **Ngày đêm luân phiên**<br>Do Trái đất có dạng hình cầu và chuyển động tự quay quanh trục từ tây sang đông nên khắp mọi nơi trên Tráiđất đều lần lượt có ngày và đêm<br><br>b) **Giờ trên Trái Đất**<br>- Chia bề mặt Trái Đất ra làm 24 khu vực giờ, mỗi khu vực có 1 giờ riêng gọi là giờ khu vực<br><br>c) **Sự lệch hướng chuyển động của vật thể**.<br>Sự chuyển động của Trái đất quanh trục làm cho các vật c/đ trên bề mặt trái đất đều bị lệch hướng. Nếu nhìn xuôi theo hướng chuyển động thì:<br>+ ở nửa cầu bắc lệch về bên phải.<br>d) + ở nửa cầu nam lệch về bên trái |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |

| Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập |
|---|
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: An sống ở Hà Nội và có bạn sống ở thành phố Xao Pao-lô (Bra-xin). Vào lúc 11 giờ trưa, sau khi đi học về, An định gọi điện cho bạn để nói chuyện. Bố khuyên An không nên gọi vào giờ này. Theo em, tại sao bố lại khuyên An như vậy?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

……

# TÊN BÀI DẠY: Bài 8. CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUAY QUANH MẶT TRỜI VÀ HỆ QUẢ .

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...
- Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết dùng quả Địa Cầu và mô hình hoặc hình vẽ Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời để trình bày chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết cách thích ứng với thời tiết của từng mùa
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Tôn trọng các quy luật tự nhiên: quy luật mùa,... Yêu thiên nhiên, cảnh vật các mùa.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Quả Địa Cầu
- Mô hình Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời
- Các video, ảnh về chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Cảnh vật thiên nhiên trên Trái Đất thay đổi theo mùa. Bằng hiểu biết của mình, em hãy nêu một số đặc điểm thiên nhiên của từng mùa ở địa phương em<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

**a. Mục đích:**HS biết được quỹ đạo quay, hướng quay, thời gian của 1 vòng chuyển động

**b. Nội dung:** Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

**c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình, sản phẩm của HS

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV sử dụng quả Địa Cầu làm mẫu và đi chuyển | **1. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời** |

| | |
|---|---|
| quả Địa Cầu quanh một "Mặt Trời" tưởng tượng hoặc dùng mô hình Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời cùng với hình 1 trong SGK để giảng dạy<br>HS quan sát và hoàn thành bảng kiến thức sau.<br>+ Quỹ đạo chuyển động<br>+ Hướng chuyển động:<br>+ Thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời hết 1 vòng<br>+ Góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | + Quỹ đạo chuyển động: hình elip gần tròn<br><br>+ Hướng chuyển động: từ tây sang đông (ngược chiều kim đồng hồi.<br><br>+ Thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời hết 1 vòng: 365 ngày 6 giờ (I năm).<br><br>+ Góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời: không đổi, nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc 66độ33' |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

**a. Mục đích:** HS biết được tên các hệ quả và đặc điểm từng hệ quả của chuyển động Trái Đất quay quanh Mặt Trời

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>**a/ Mùa trên Trái Đất**<br>1. Dựa vào hình 1, 2 và thông tin trong mục 2, cho biết:<br>-Vào ngày 22 tháng 6, bán cầu Bắc đang là mùa gì, bán cầu Nam đang là mùa gì. Tại sao?<br>-Vào ngày 22 tháng 12, bán cầu Bắc đang là mùa gì, bán cầu Nam đang là mùa gì. Tại sao?<br>2. Dựa vào hình 2, nêu sự khác nhau về thời gian diễn ra mùa của hai bán cầu. Dựa vào hình 3, nêu sự khác nhau về hiện tượng mùa theo vĩ độ.<br>**b/ Hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa**<br>HS liên hệ với thực tế ở nước ta vào mùa hè (mùa nóng) và mùa đông (mùa lạnh) GV cho HS quan sát hình 4 và kênh chữ để HS hoàn thành phần hoạt động, cụ thể như sau:<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2**. Hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời<br>**a/ Mùa trên Trái Đất**<br>- Trong quá trình chuyển động Mặt Trời, nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam luôn phiên chúc và ngả về phía Mặt Trời sinh ra các mùa.<br>- Sự phân bố ánh sáng, lượng nhiệt và các mùa ở 2 nửa cầu trái ngược nhau.<br>- Người ta chia 1 năm ra 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.<br>- Các mùa tính theo dương lịch và âm - dương lich có khác nhau về thời gian bắt đầu và kết thúc. |

| | |
|---|---|
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | **b/ Hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa**<br>-Trong khi chuyển động quanh Mặt trời Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc,nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.<br>-Do đường phân chia sáng tối không trùng với trục TĐ,nên các địa điểm ở nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ (càng về hai cực càng biểu hiện rõ) |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

| Thời gian / Địa điểm | Ngày 22 tháng 6 | | Ngày 22 tháng 12 | |
|---|---|---|---|---|
| | Mùa | So sánh độ dài ngày – đêm | Mùa | So sánh độ dài ngày – đêm |
| Bán cầu Bắc | Nóng | Thời gian ngày dài hơn thời gian đêm | Lạnh | Thời gian ngày ngắn hơn thời gian đêm |
| Bán cầu Nam | Lạnh | Thời gian ngày ngắn hơn thời gian đêm | Nóng | Thời gian ngày dài hơn thời gian đêm |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Nghỉ hè năm nay, bố cho Nam đi du lịch ở ô-xtrây- | |

| | |
|---|---|
| li-a. Nam không hiểu tại sao bố lại dặn chuẩn bị nhiều đồ ấm để làm gì. Em hãy giải thích cho Nam.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: Bài 9. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC TẾ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

Xác định dược phương hướng ngoài thục tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Biết cách xác định phương hướng dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. - Biết quan sát và sử dụng các hiện tượng thiên nhiên phục vụ cho cuộc sống hằng ngày
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Gần gũi, gắn bó hơn với thiên nhiên xung quanh
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** - La bàn

- Điện thoại thông minh có la bàn
- Tranh ảnh, video về tìm phương hướng trong thực tế

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

| |
|---|
| **Hoạt động 1: Mở đầu** |

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.
**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Trong cuộc sống, nhiều khi ' con người rơi vào những tình huống hết súc khó khăn, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng do bị mất phương hướng. Đó là khi bị lạc trong rừng, lênh đênh giữa đại dương hoặc lạc lối giữa một vùng đất xa lạ,... Khi đó, xác định phương hướng ngoài<br>thục tế là một kĩ năng cần thiết để chúng ta có thể vượt qua hiểm nguy<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Xác định phương hướng bằng la bàn

**a. Mục đích:**
**b. Nội dung: Xác định phương hướng bằng la bàn**
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: giới thiệu la bàn cầm tay và la bàn trong điện thoại thông minh cho HS,<br>Sau đó, GV yêu cầu các HS làm việc theo nhóm nhỏ sử dụng la bàn và yêu cầu HS<br>tìm phương hướng của một đối tượng cụ thể bằng la bàn như xác định hướng cửa lớp,<br>hướng cổng trường giống yêu cầu trong SGK.<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Xác định phương hướng bằng la bàn**<br>a) **Cấu tạo la bàn**<br>-Kim nam châm làm băng kim loại có từ tính, thường có dạng hình thoi. Đầu kim bắc và đầu kim nam có màu khác nhau để phân biệt, đầu kim bắc thường có màu đậm hơn.<br>-Vòng chia độ: Trên vòng chia độ có ghi bốn hướng chính và số độ từ 0° đến 360°.<br>b) **Cách sử dụng**<br>đặt la bàn thăng bằng trên mặt |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả | |

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | phẳng, tránh xa các vật băng kim loại có thể ảnh hưởng tới kim nam châm. Mở chốt hãm cho kim chuyển động, đến khi kim đứng yên, ta đã xác định được hướng bắc - nam, từ đó xác định các hướng |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên

**a. Mục đích:** HS biết được

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bài học trước và kinh nghiệm thực tế của bản thân để trả lời câu hỏi: Mặt Trời<br>mọc và lặn ở hướng nào?<br>HS hoặc cho HS quan sát hình minh hoạ trong SGK để đặt câu hỏi khi biết được hướng Mặt Trời mọc và lặn thì chúng ta có thể biết được các hướng khác hay không?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên**<br><br>Dựa vào hướng Mặt Trời mọc và lặn có thể xác định được phương hướng một cách tương đối chính xác. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |

| Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập |
|---|
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Quan sát Mặt Trời hoặc sử dụng la bàn, hãy xác định khi đi từ nhà đến trường, trước tiên em phải đi về hướng nào<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

# TÊN BÀI DẠY: LUYỆN TẬP — THỰC HÀNH CHƯƠNG 2

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

HS nhớ được kiến thức đã học trong chương 2

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: HS làm các bài tập chương 2

**a. Mục đích:** củng cố kiến thức chương 2

**b. Nội dung:** bài tập chương 2

**c. Sản phẩm:** các bài tập của HS

**d. Cách thực hiện.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV: HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các câu hỏi sau.

Câu 1. Hãy vẽ sơ đồ thể hiện nội dung đã học ở chương 2.

Gợi ý: Vẽ sơ đồ kiến thức đã học ở chương 2. Có thể vẽ nhiều kiểu sơ đồ, nhưng sơ đồ
phải thể hiện được các nội dung chính đã được học: Trái Đất trong hệ Mặt Trời; hình dạng,
kích thước Trái Đất; các chuyển động của Trái Đất và hệ quả; xác định phương hướng ngoài
thực tế.

Câu 2. Hãy mô tả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hiện tượng ngày, đêm luân phiên trên Trái Đất.

Gợi ý: Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng từ tây sang đông, quay một vòng
hết 24 giờ, vì thế lần lượt các địa điểm trên Trái Đất đều có ngày đêm luân phiên.

Câu 3. Dưới đây là một số đồng hồ chỉ giờ cùng một thời điểm trên Trái Đất. Em hãy
tìm đồng hồ nào chỉ giờ sai và sửa lại cho đúng. Cho biết đồng hổ ở TP. Hồ Chí Minh chỉ
giờ đúng.

Luân Đôn (Anh)

Cai-rô (Ai Cập)

TP. Hồ Chí Minh
(Việt Nam)

Tô-ky-ô
(Nhật Bản)

Gợi ý:

- Các đồng hồ chỉ giờ đúng: TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam), Luân Đôn (Anh).

- Các đồng hồ chỉ giờ sai: Tô-ky-ô (Nhật Bản), Cai-rô (Ai Cập).

Câu 4. Mô tả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hiện tượng mùa trên Trái Đất.

Gợi ý: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời với: Quỹ đạo chuyển động: hình elip, hướng chuyển động: từ tây sang đông (ngược chiều kim đồng hồ), thời gian Trái Đất quay
quanh Mặt Trời hết 1 vòng: 365 ngày 6 giờ (1 năm), góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự
quay: không đổi, nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc 66°33' Do vậy, có khoảng thời
gian bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời và ngược lại. Bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời sẽ
nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt, đó là mùa nóng của bán cầu đó. Bán cầu còn lại sẽ nhận
được ít ánh sáng và nhiệt, bán cầu đó có mùa lạnh.

Câu 5. Sử dụng la bàn để xác định cửa ra vào nhà em nhìn về hướng nào.
Gợi ý: Tuỳ thực tế, HS có kết quả khác nhau về hướng cửa.

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

## Hoạt động 2.2: HS ôn tập thông qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm

**a. Mục đích:** HS biết được
**b. Nội dung:** Tìm hiểu
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2**. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
|---|
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

## CHƯƠNG 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT

GV có thể sử dụng phần mở đầu chương trong SGK để dẫn dắt, gợi sự tò mò, hứng thú tìm hiểu cho HS vào chương mới. Đây là tình huống có vấn đề vì chúng ta đều biết không thể
đi xuyên qua vào tâm Trái Đất. GV nên tìm đọc sách "Cuộc thám hiểm vào lòng đất" hoặc
tham khảo phần thông tin bổ sung. Sau đó, GV định hướng cho HS các nội dung của chương:

Cấu tạo của Trái Đất

Các mảng kiến tạo

Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi

Hiện tượng động đất, núi lửa
Các dạng địa hình chính trên Trái Đất
- Khoáng sản.

## TÊN BÀI DẠY: Bài 10. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. CÁC MẢNG KIẾN TẠO

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

### I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Trình bày đuọc cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.

• Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau_

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Nêu và xác định được trên lược đồ tên 7 địa mảng (mảng kiến tạo) lớn của vỏ Trái Đấtvà tên các cặp địa mảng xô vào nhau. - Sử dụng hình ảnh để xác định được cấu tạo bên trong của Trái Đất.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** - Sơ đồ cấu trúc bên trong của Trái Đất - Các video về cấu tạo của Trái Đất và các địa mảng - Phiếu học tập

- Lược đồ các địa mảng của lớp vỏ Trái Đất

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Trong lòng Trái Đất có gì? Cấu tạo của Trái Đất ra sao? Em có hiểu biết gì về lòng Trái Đất? Để học sinh đưa ra những hiểu biết của mình, sau đó dẫn dắt vào bài học.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | |

| | |
|---|---|
| GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Cấu tạo bên trong của Trái Đất

**a. Mục đích:**

**b. Nội dung:** Cấu tạo bên trong của Trái Đất

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS

**d. Cách thực hiện.**

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung chính</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập<br>GV cho HS quan sát hình 1 trong SGK hoặc video về cấu tạo của Trái Đất và dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để HS trao đổi và mô tả được cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp, tên các lớp đó<br>HS làm việc theo nhóm tìm hiểu về đặc điểm của ba lớp bằng cách hoàn thành phiếu học tập.<br>+ Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm của lớp vỏ Trái Đất.<br>+ Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm của lớp man -ti.<br>+ Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm của lớp nhân
<table>
<tr><td></td><td>Lớp vỏ</td><td>Lớp manti</td><td>Lớp nhân</td></tr>
<tr><td>Độ dày</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Trạng thái</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Nhiệt độ.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe</td><td rowspan="4">1/ Cấu tạo bên trong của Trái Đất<br>- Trái Đất cấu tạo gồm 3 lớp. (Bảng chuẩn kiến thức)</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời</td></tr>
<tr><td>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</td></tr>
<tr><td>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài</td></tr>
</table>

**Bảng chuẩn kiến thức**

| Lớp / Địa điểm | Vỏ Trái Đất | Man-ti | Nhân |
|---|---|---|---|
| Độ dày | 5 – 70 km | 2 830 km | 3 471 km |
| Trạng thái | Rắn | Quánh dẻo đến rắn | Lỏng đến rắn |
| Nhiệt độ | Có thể đến 1 000°C | 1 500 – 3 700°C | Khoảng 5 000°C |

## Hoạt động 2.2: Các địa mảng (mảng kiến tạo)

**a. Mục đích:** HS kể tên được các mảng kiến tạo trên thế giới
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Các địa mảng (mảng kiến tạo)
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>**học phần các địa mảng**<br>HS xem video về các địa mảng hoặc quan sát lược đồ các địa mảng của lớp vỏ Trái Đất trong SGK và yêu cầu cho biết tên 7 địa mảng lớn của lớp vỏ Trái Đất<br>**đới tiếp giáp của các địa mảng:**<br>HS đọc thông tin, làm việc với hình 2, hướng dẫn HS đọc chú giải rồi đặt các câu hỏi: Các địa mảng đứng yên hay có sự di chuyển? Các địa mảng nào xô vào nhau và xác định trên lược đồ các đới tiếp giáp?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Các địa mảng (mảng kiến tạo)**<br>**Mảng kiến tạo:** Mảng Âu – Á, Mảng Thái Bình Dương, Mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-Ìi-a, Mảng Phi, Mảng Bắc Mỹ, Máng Nam Mỹ, Máng Nam Cực<br>Lưu ý: Ngoài 7 mảng lớn còn có các mảng nhỏ khác được đánh số. Việt Nam nằm ở mảng Âu – Á<br><br>+ Các địa mảng có sự đi chuyển (dựa vào hướng mũi tên để biết): tách xa nhau hoặc xô vào nhau.<br><br>+ Các cặp mảng xô vào nhau: mảng Âu - Á và mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-]i-a, mảng Thái Bình Dương và mảng Âu - Á, mảng Thái Bình Dương và mảng Bắc Mỹ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Vẽ vào vở một hình tròn tượng trưng cho Trái Đất, thể hiện trên đó cấu tạo bên trong của Trái Đất<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

## TÊN BÀI DẠY: Bài 11. QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ QUÁ TRÌNH NGOẠI SINH.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Phân biệt được quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh.
- Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Nhận biết một số dạng địa hình do quá trình nội sinh, ngoại sinh tạo thành qua
hình ảnh.
- Phân tích hình ảnh để trình bày được hiện tượng tạo núi.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Tôn trọng quy luật tự nhiên
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** - Hình ảnh một số dạng địa hình chịu tác động của quá trình nội sinh và quá trình
ngoại sinh, hiện tượng tạo núi

- Video về địa hình do tác động của nội sinh và ngoại sinh, hiện tượng tạo núi

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS quan sát hình ảnh vùng núi Hi-ma-lay-a với đỉnh cao nhất là đỉnh Ê-vơ-rét và vực biển Ma-ri-an, dẫn dắt về sự không bằng phẳng của bề mặt Trái Đất, GV đặt câu hỏi gợi mở: "Theo các em, điều gì khiến bề mặt Trái Đất lồi lõm như vậy?"<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh

**a. Mục đích:** HS biết được khái niệm nội sinh, ngoại sinh, quá trình vận động và các hiện tượng cảu quá trình đó

**b. Nội dung:** Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh

**c. Sản phẩm:**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Dựa vào nội dung kiến thức dưới đây, em hãy cho biết: | **1. Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh**<br>*(Bảng chuẩn kiến thức)* |

| | |
|---|---|
| - Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh khác nhau như thế nào.<br>- Trong các hình 1,2, 3, 4, hình nào thể hiện tác động chủ yếu của quá trình nội sinh, hình nào thể hiện tác động chủ yếu của quá trình ngoại sinh<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

**Bảng chuẩn kiến thức**

| | Quá trình nội sinh | Quá trình ngoại sinh |
|---|---|---|
| Nguồn gốc | Quá trình xảy ra trong lòng Trái Đất. | Quá trình xảy ra bên ngoài, trên bề mặt đất. |
| Tác động đến địa hình | Xu hướng tạo nên sự gồ ghề của bề mặt Trái Đất. | Xu hướng san bằng địa hình, làm bề mặt bằng phẳng hơn. |
| Đối tượng tác động | Các dạng địa hình có quy mô lớn như châu lục, miền núi, cao nguyên. | Các dạng địa hình có quy mô nhỏ. |

## Hoạt động 2.2: Hiện tượng tạo núi

**a. Mục đích:** HS biết được

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Hiện tượng tạo núi

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV HS thảo luận theo cặp, dựa vào thông tin trong SGK, quan sát hình 5 và<br>cho biết: Núi được hình thành do những nguyên nhân nào? (kí hiệu, chú thích trong hình để mô tả được<br>quá trình tạo núi.)<br>HS đọc thông tin và sử dụng kiến thức ở mục 1 để nêu vai trò của quá<br>trình ngoại sinh đối với việc làm biến đổi hình dạng của núi<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2 Hiện tượng tạo núi**.<br>Nội lực là yếu tố chính trong quá trình thành tạo núi, ngoài ra núi cũng chịu các tác<br>động của quá trình ngoại sinh. Qua thời gian, dưới tác động của ngoại sinh (dòng chảy, gió,<br>nhiệt độ,...) làm thay đổi hình dạng của núi: các đỉnh núi tròn hơn, sườn núi bớt đốc, độ cao giảm xuống... |

| | |
|---|---|
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Thu thập thông tin, hình ảnh về một số dạng địa hình do gió, nước,...<br>Á 7 tạo thành và chia sẻ với các bạn<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: Bài 12. NÚI LỬA VÀ ĐỘNG ĐẤT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Trình bày được nguyên nhân hình thành núi lửa, cấu tạo của núi lửa, biểu hiện trước khi núi lửa phun trào và hậu quả do núi lửa gây ra.
- Trình bày được thế nào là động đất, nguyên nhân gây ra động đất, dấu hiệu trước khi xảy ra động đất và hậu quả do động đất gây ra.
- Biết cách úng phó khi có núi lửa và động đất

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng hình ảnh, sơ đồ để tìm hiểu cấu tạo.Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ do động đất và núi lửa gây ra. Có kĩ năng ứng phó khi động đất và núi lửa xảy ra.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Biết đồng cảm, chia sẻ, giúp đỡ những người ở khu vực chịu ảnh hưởng của động đất,
núi lửa
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** - Sơ đồ cấu tạo và hoạt động của núi lửa
- Tranh ảnh, video về động đất, núi lửa

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS quan sát một số hình ảnh về núi lửa phun trào, động đất rồi cho HS nêu cảm<br>nhận của mình. Sau khi HS nêu cảm nhận<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Núi lửa

**a. Mục đích:** HS biết được cấu tạo, nguyên nhân, hậu quả khi núi lửa xảy ra và dự báo nứi lửa doạt động

**b. Nội dung:** Núi lửa

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS

**d. Cách thực hiện.**

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung chính</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập<br>GV: HS đọc thông tin sgk, thảo luận cặp đôi hoàn thành bảng kiến thức sau.
<table>
<tr><td>Nguyên nhân sinh ra núi lửa</td><td></td></tr>
<tr><td>Các bộ phận núi lửa</td><td></td></tr>
<tr><td>Hậu quả do núi lửa hoạt động gây ra</td><td></td></tr>
<tr><td>Dấu hiệu nhận biết núi lửa chuẩn bị hoạt động</td><td></td></tr>
<tr><td>cách gì để phòng tránh</td><td></td></tr>
</table>
HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe</td><td rowspan="5">1. Núi lửa<br>Nguyên nhân<br>sinh ra núi lửa là do mac-ma từ trong lòng Trái Đất theo các khe nứt của vỏ Trái Đất phun<br>trào lên bể mặt<br>các bộ phận<br>của núi lửa: lò mac-ma, miệng núi lửa, ống phun.<br>hậu quả do núi lửa gây ra (tính mạng con người, môi trường, đời sống và sản xuất của con<br>người)<br>mặt đất rung nhẹ, nóng hơn, có khí bốc<br>lên ở miệng núi,... Khi có các dấu hiệu đó, người dân phải nhanh chóng sơ tán</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời</td></tr>
<tr><td>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</td></tr>
<tr><td>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài</td></tr>
</table>

### Hoạt động 2.2: Động đất

**a. Mục đích:** HS biết được nguyên nhân, hậu quả của động đất

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Động đất

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV :HS dựa vào thông tin trong SGK cho biết thế nào là hiện tượng động đất,<br>nguyên nhân gây ra động đất và hậu quả của động đất<br>Quan sát các hình sau, hãy cho biết những hành động đúng khi động đất xảy ra.<br> <br> <br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2 Động đất**.<br>+ Động đất là những rung chuyển đột ngột mạnh mẽ của vỏ Trái Đất.<br><br>+ Nguyên nhân: do hoạt động của núi lửa, sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo, đứt gãy trong vỏ Trái Đất<br>+ Đổ nhà cửa, các công trình xây dựng.<br><br>+ Có thể gây nên lở đất, biến dạng đáy biển, làm phát sinh sóng thần khi xảy ra ở biển. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
|---|
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Nếu đang trong lớp học mà có động đất xảy ra, em sẽ làm gì để bảo vệ mình?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

## TÊN BÀI DẠY: BÀI 13. CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH TRÊN TRÁI ĐẤT. KHOÁNG SẢN

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Phân biệt được các dạng địa hình chinh trén Trái Đất.
- Kể dược tén một số loại khoáng sản.
- Có ỷ thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

## Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Tác động của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh không giống nhau ở mọi nơi trên Trái Đất đà tạo nén sự đa dạng về địa hình và khoáng sản. Trên bề mặt Trái Đất có các dạng địa hình chính và các loại khoáng sản nào? Dựa vào đâu để phân biệt chúng?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1:

**a. Mục đích**: HS biết độ cao so với mực nước biển và đặc điểm của các dạng địa hình.

**b. Nội dung:** Các dạng địa hình chính

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS

**d. Cách thực hiện.**

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung chính</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập<br>GV: HS quan sát hình ảnh và kiến thức SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng sau:<br>Nhóm 1,2: tìm hiểu về Núi.<br>Nhóm 3,4: Tìm hiểu về Đồi.<br>Nhóm 5,6: Tìm hiểu về cao nguyên
<table>
<tr><td>Các dạng địa hình</td><td>Độ cao so với mực nước biển</td><td>Đặc điểm</td></tr>
<tr><td>Núi</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đồi</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Cao nguyên</td><td></td><td></td></tr>
</table>
HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe</td><td rowspan="2">1. Các dạng địa hình chính<br>(Bảng chuẩn kiến thức)</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</td></tr>
</table>

| | |
|---|---|
| GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

**Bảng chuẩn kiến thức**

| Các dạng địa hình | Độ cao so với mực nước biển | Đặc điểm |
|---|---|---|
| Núi | Độ cao của núi so với mực nước biển là từ 500 m trở lên | Núi thường có đỉnh nhọn, sườn dốc. |
| Đồi | . Độ cao của đồi so với vùng đất xung quanh thường không quá 200 m. | Đồi có đỉnh tròn, sườn thoải |
| Cao nguyên | cao trên 500 m so với mực nước biển | vùng đất tương đối băng phăng hoặc gợn sóng. có sườn dốc, nhiều khi dựng đứng thành vách so với vùng đất xung quanh. |

## Hoạt động 2.2: Khoáng sản

**a. Mục đích:** HS biết được tên các loại khaongs sản và công dụng của chúng

**b. Nội dung:** Tìm hiểu 2. Khoáng sản

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV : HS đọc thông tin SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thành các nội dung sau.<br>1. Em hãy cho biết trong các đối tượng sau, đối tượng nào là khoáng sản: nhựa, than đá, gỗ, cát, xi măng, thép, đá vôi.<br>2.Hãy kể tên ít nhất một vật dụng hăng ngày em thường sử dụng được làm từ khoáng sản.<br>3.Sắp xếp các loại khoáng sản sau vào ba nhóm sao cho đúng: vàng, nước khoáng, kim cương, than bùn, khí thiên nhiên, cao lanh, ni-ken, phốt phát, bô-xít<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Khoáng sản**<br>-Khoáng sản là những khoáng vật và khoáng chất có ích trong tự nhiên trong vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác để sử dụng trong sản xuất và đời sống.<br>- Khoáng sản gồn 3 loại: Năng lượng, kim loại và phi kim.<br>- Mỏ khoáng sản là nơi tập trung khoáng sản có trữ lượng và chất lượng có thể khai thác đề sử dụng vào mục đích kinh tế. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả | |

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Khi xây dựng nhà, chúng ta sử dụng những vật liệu gì có nguồn gốc từ khoáng sản?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

# TÊN BÀI DẠY: BÀI 14. THỰC HÀNH ĐỌC LƯỢC ĐỒ TỈ LỆ LỚN VÀ LÁT CẮT ĐỊA LÍ ĐƠN GIẢN

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:
Đọc được lược đò địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản
**2. Năng lực**
*** Năng lực chung**
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.
*** Năng lực Địa Lí**
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên
**3. Phẩm chất**
- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**
**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.
**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS được quan sát lược đồ về tự nhiên Việt Nam, cho biết những nội dung được thể hiện trong lược đồ.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

**a. Mục đích:** HS biết các bước đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

**b. Nội dung:** Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn
**c. Sản phẩm:** thuyết trình và sản phẩm của HS
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>Dựa vào hình 1, em hãy:<br>- Cho biết các đường đòng mức có khoảng cao đều cách nhau bao nhiêu mét.<br>- So sánh độ cao của các điểm B1, B2, B3, c.<br>- Cho biết một bạn muốn leo lên đỉnh A2, để đỡ leo dốc, thì nên đi theo sườn D1 - A2 hay sườn D2 - A2<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn**<br>**Đường đồng mức** là đường nối liền những điểm có cùng độ cao. Các đường đồng mức cách nhau một độ cao đều đặn gọi là khoảng cao đều. Các đường đồng mức càng gần nhau, địa hình càng dốc; các đường đồng mức càng cách xa nhau, địa hình càng thoải<br>**Hướng dẫn đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn**:<br>- Trước hết, cần xác định được các đường đòng mức có khoảng cao đều cách nhau bao nhiêu mét<br>- Căn cứ vào các đường này, ta có thể tính ra độ cao của các địa điểm trên lược đò.<br>- Căn cứ vào độ gần hay xa nhau của đường đồng mức, ta biết được độ dốc của địa hình.<br>- Căn cứ vào tỉ lệ lược đò, ta tính được khoảng cách thực tế giữa các địa điểm |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Đọc lát cắt địa hình đơn giản

**a. Mục đích:** HS biết được các bước đọc 1 bản đồ địa hình đơn giản.
**b. Nội dung:** Tìm hiểu 2. Đọc lát cắt địa hình đơn giản
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS Căn cứ vào hình 2 thực hiện yêu cầu sau.:<br>- Cho biết lát cắt lần lượt đi qua các dạng địa hình nào.<br>- Xác định độ cao của đỉnh Ngọc Linh.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Đọc lát cắt địa hình đơn giản**<br>Hướng dẫn đọc lát cắt địa hình:<br>- Khi đọc lát cắt, trước tiên ta phải xác định được điểm bắt đầu và điểm cuối của lát cắt.<br>- Từ hai điểm mốc này, ta có thể biết được lát cắt có hướng như thế nào, đi qua những |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | điểm độ cao, dạng địa hình đặc biệt nào, độ dốc của địa hình biến đổi ra sao,...<br>- Từ đó, ta có thể mô tả sự thay đổi của địa hình từ điểm đầu đến điểm cuối lát cắt.<br>- Dựa vào tỉ lệ lát cắt, có thể tính được khoảng cách giữa các địa điểm. |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc lát cắt các dạng địa hình ven biển nước ta<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 15. LỚP Vỏ KHÍ CỦA TRÁI ĐẤT. KHÍ ÁP VÀ GIÓ**
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.
- Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu.
- Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.
- Trình bày được sự phân bố các đai khi áp và các loại gió thổi thuường xuyên trên Trái Đất.
- Biết cách sử dụng khi áp kế.
- Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là khí quyển hay lớp vỏ khí của Trái Đất. Lớp vỏ khi gồm, những thành phần nào và cấu tạo ra sao? Khí áp và gió phân bố như thế nào trên Trái Đất<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | |

| | |
|---|---|
| GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Thành phần không khí gần bề mặt đất

**a. Mục đích: HS kê tên được các thành phần và tỉ trọng cảu các thành phần đó trong**

**b. Nội dung: Thành phần không khí gần bề mặt đất**

**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Cho HS quan sát H SGK phóng to<br>? Không khí gồm những thành phần nào?<br>? Mỗi thành phần chiếm tỉ lệ bao nhiêu?<br>? Bằng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế, em hãy cho biết vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Thành phần không khí gần bề mặt đất**<br>Gồm :<br>- Khí ni tơ chiếm 78%.<br>- Khí ôxi chiếm 21% .<br>- Hơi nước và các khí khác chiếm 1%<br>➔ Các khi này có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên và đời sống. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Các tầng khí quyển

**a. Mục đích:** HS biết được tên và đặc điểm của từng tầng khí quyển

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Các tầng khí quyển

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>Đọc thông tin trong mục 2 và quan sát hình 1, 2, em hãy:<br>- Cho biết khí quyển gồm những tầng nào.<br>HS làm việc nhóm | **2/ Các tầng khí quyển**<br>Gồm 3 tầng:<br>+ Đối lưu<br>+ Bình lưu<br>+ Tầng cao khí quyển.<br>* **Tầng đối lưu:** |

| | Đối lưu | Bình lưu |
|---|---|---|
| Vị trí | | |
| Đặc điểm | | |

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

- Nằm dưới cùng, độ dày từ 0-16 km.
- Tập trung 90% KHÔNG KHÍ, KHÔNG KHÍ luôn chuyển động theo chiều thẳng đứng.
- Là nơi sinh ra các hiện tượng khí tượng :mây, mưa, sấm chớp…
- Càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm, lên cao100m nhiệt độ giảm $0,6^0$C.

*** Tầng bình lưu:**
- Nằm trên tầng đối lưu, độ dày từ 16 – 80 km, không khí chuyển động theo chiều ngang.
- Có lớp ô dôn có tác dụng hấp thụ, ngăn các tia bức xạ có hại của MT đối với sinh vật và con người

## Hoạt động 2.3: Các khối khí

**a. Mục đích:** HS biết được nơi hình thành và đặc điểm của các khối khí
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Các khối khí
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm hoàn thành nội dung sau:<br>Khối khí / Nơi hình thành / Đặc điểm chính<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Các khối khí**<br><br>Các khối khí:<br>- Khối khí nóng hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.<br><br>- Khối khí lạnh hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.<br><br>- Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn.<br><br>- Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng | |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất

**a. Mục đích:** HS biết được khái niệm khí ap, đơn vị đo khí áp; sự phân bố các đai khí hậu trên Trái Đất

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>Cho biết giá trị khí áp được thể hiện ở hình 4.<br>Dựa vào hình 5, hãy cho biết.<br>- Tên của các đai áp cao và đai áp thấp trên bề mặt Trái Đất.<br>- Sự phân bố của các đai khí áp ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **4/ Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất**<br>***a. Khí áp:***<br>- Sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất gọi là khí áp.<br>- Đơn vị đo khí áp là mm thủy ngân.<br>***b. Các đai khí áp trên Trái đất***<br>- Khí áp được phân bố trên TRÁI ĐẤT thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ xích đạo về cực<br>+ Các đai áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ $0^0$ và khoảng vĩ độ $60^0$B và N<br>+ Các đai áp cao nằm ở khoảng vĩ độ $30^0$ B và N và khoảng vĩ độ $90^0$B và N(cực Bắc và Nam) |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.5: Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

**a. Mục đích:** HS biết đươc tên và đặc điểm các loại gió trên TĐ

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS thảo luận hoàn thành bảng sau.<br>Loại gió \| phạm vi gió thổi \| Hướng gió<br>Tín phong \| \| <br>Tây ôn đới \| \| <br>Đông cực \| \| <br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **5.Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất**<br>(bảng chuẩn kiến thức) |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

**Bảng chuẩn kiến thức**

| Loại gió | Phạm vi gió thổi | Hướng gió |
|---|---|---|
| **Tín phong** | Từ khoảng các vĩ độ $30^0$B và N về XĐ | ở nửa cầu Bắc hướng ĐB, ở nửa cầu Nam hướng ĐN |
| **Tây ôn đới** | Từ khoảng các vĩ độ $30^0$B và N lên khoảng các vĩ độ $60^0$B và N | ở nửa cầu B, gió hướng TN, ở nửa cầu N, gió hướng TB |
| **Đông cực** | Từ khoảng các vĩ độ $90^0$Bvà N về $60^0$B và N | ở nửa cầu B, gió hướng ĐB, ở nửa cầu N, gió hướng ĐN |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Quan sát hình 6, thu thập thông tin về hoạt động sản xuất điện gió và chia sẻ với các bạn<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 16. NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ. MÂY VÀ MƯA**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.

• Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.

• Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|

| | |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Nhiệt độ và mua có vai trò hết súc quan trọng đối với đời sống và sản xuất. Nhiệt độ không khí và mua do đâu mà có? Tại sao nhiệt độ không khí và mua lại khác nhau ở mọi nơi trên Trái Đất?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Nhiệt độ không khí

**a. Mục đích:** dụng cụ đo nhiệt độ không khí, sự thay đổi nhiệt độ không khí trên TĐ

**b. Nội dung:** Nhiệt độ không khí

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>**a/ Nhiệt độ không khí và cách sừ dụng nhiệt kể**<br>1. Em hãy đọc giá trị nhiệt độ không khí hiền thị trên nhiệt kế ở hình 1.<br>2. ở trạm khí tượng Láng (Hà Nội), kết quả đo nhiệt độ ở bốn thời điểm trong ngày 25 tháng 7 năm 2019 lần lượt là 27°c, 27°c, 32°c, 30°C. Hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình của ngày hôm đó<br>**b/ Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bể mặt Trái Đất theo vĩ độ**<br>Quan sát hình 2 và đọc thông tin mục 1b), em hãy nhận xét sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm của không khí giữa các địa điểm. Giải thích nguyên nhân của sự thay đổi đó<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Nhiệt độ không khí**<br>**a/ Nhiệt độ không khí và cách sừ dụng nhiệt kể**<br>- Mặt Trời là nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất.<br>- Dụng cụ đo nhiệt độ không khí là nhiệt kế. Có hai loại nhiệt kế thường dùng là nhiệt kế có bầu thuỷ ngân (hoặc rượu) và nhiệt kế điện tử.<br>- ở các trạm khí tượng, nhiệt kế được đặt trong lều khí tượng sơn màu trắng (hình 3), cách mặt đất 1,5 m. Nhiệt độ không khí được đo ít nhất 4 lần trong ngày (ở Việt Nam vào các thời điểm: 1, 7, 13, 19 giờ)<br>**b/ Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bể mặt Trái Đất theo vĩ độ.**<br>- Không khi ở các vùng vĩ độ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |

| | |
|---|---|
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | thấp nóng hơn không khí ở các vùng vĩ độ cao.<br>- Ở các vùng vĩ độ thấp quanh năm có góc chiếu của tia sáng mặt trời với mặt đất lớn nên nhận được nhiều nhiệt, không khí trên mặt đất nóng.<br>- Càng lên gần cực, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng nhỏ, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn, không khí trên mặt đất cũng ít nóng hơn |

## Hoạt động 2.2: Mây và mưa

**a. Mục đích:** HS biết được quá trình hình thành cảu mây và mưa; sự phân bố lượng mưa trong năm.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Mây và mưa

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>**a/ Quá trình hình thành mây và mưa**<br>1/ Cho biết giá trị độ ẩm không khí hiển thị trên hình 4. Còn bao nhiêu % nữa thì độ ẩm không khí sẽ đạt mức bão hoà?<br>2/ Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 5, em hãy mô tả quá trình hình thành mây và mưa. Gợi ý:<br>- Hơi nước trong không khí được cung cấp từ những nguồn nào?<br>- Khi nào hơi nước ngưng tụ thành mây?<br>- Khi nào mây tạo thành mưa?<br>**b) Sự phân bố lượng mưa trung bình năm**<br>Hãy xác định trên bản đồ hình 6:<br>- Những vùng có lượng mưa trung bình năm trên 2 000 mm.<br>- Những vùng có lượng mưa trung bình năm dưới 200 mm<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2. Mây và mưa**<br>**a/ Quá trình hình thành mây và mưa**<br>- Trong không khí có hơi nước<br>- Hơi nước trong không khí tạo ra độ ẩm của không khí.<br>- Dụng cụ để đo độ ẩm của KHÔNG KHÍ gọi là ẩm kế .<br>- Nhiệt độ không khí càng cao thì khả năng chứa hơi nước của không khí càng lớn.<br>- Lượng hơi nước trong KHÔNG KHÍ đã bão hoà hoặc hơi nước bốc lên cao hoặc hơi nước tiếp xúc vơi khối không khí lạnh sẽ ngưng tụ<br>a. Khái niệm: Hơi nước bốc lên cao gặp lạnh ngưng tụ thành các hạt nước (mây), gặp điều kiện thuận lợi hạt nước to dần và rơi xuống, gọi là mưa .<br>- Dụng cụ đo mưa là vũ kế .<br>- Lượng mưa trung bình năm của một địa phương là lượng mưa của nhiều năm cộng lại và chia cho số |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |

| | |
|---|---|
| HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | năm<br>**b) Sự phân bố lượng mưa trung bình năm**<br>- Khu vực có lượng mưa nhiều từ 1000-> 2000 mm phân bố ở 2 bên đường xích đạo .<br>- Khu vực ít mưa , lượng mưa TB < 200 mm tập trung ở vùng có vđ cao.<br>=> Lượng mưa trên TRÁI ĐẤT phân bố ko đều, giảm dần từ xích đạo -> 2 cực |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Theo dõi bản tin dự báo thời tiết trong một ngày. Cho biết nhiệt độ không khí cao nhất và nhiệt độ không khí thấp nhất, sự chênh lệch nhiệt độ trong ngày ở bản tin đó<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức | |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 17. THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Phân biệt được thời tiết và khí hậu.
- Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất.
- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một sổ biện pháp phòng tránh thiên tai và

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS được quan sát video về nhưng trận thiên tai,lũ lụt. Nêu hậu quả<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Khái niệm về thời tiết và khí hậu

**a. Mục đích: HS biết được khái niệm thời tiết và khí hậu**

**b. Nội dung: Khái niệm về thời tiết và khí hậu**

**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc thông tin SGK và cho biết<br>- Khái niệm thời tiết, khí hậu.<br>Dựa vào bản tin dự báo thời tiết ở trên, em hãy:<br>- Nêu những yếu tố được sử dụng để biểu hiện thời tiết.<br>- Mô tả đặc điểm thời tiết của từng ngày trong bảng.<br>- Hãy cho biết, trong tình huống ở đầu bài, bạn nào là người nói đúng<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1.Khái niệm về thời tiết và khí hậu**<br>- Thời tiết là trạng thái của khí quyển tại một thời điểm và khu vực cụ thể được xác định bằng nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và gió. Thời tiết luôn thay đổi<br>- Khí hậu ở một nơi là tổng hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió,...) của nơi đó, trong một thời gian dài và đã trở thành quy luật |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Các đới khí hậu trên Trái Đất

**a. Mục đích:** HS biết được phạm vi và đặc điểm của các đới khí hậu trên TĐ

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Các đới khí hậu trên Trái Đất

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>1. Xác định trên hình 1 phạm vi của năm đới khí hậu trên Trái Đất.<br>2. Hãy lựa chọn và trình bày khái quát đặc điểm | **2. Các đới khí hậu trên Trái Đất**<br><br>(Bảng chuẩn kiến thức) |

của một đới khí hậu.

| Tên đới khí hậu | Phạm vi và Đặc điểm |
|---|---|
| | |
| | |
| | |

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

**Bảng chuẩn kiến thức.**

| **Tên đới khí hậu** | **Phạm vi và Đặc điểm** |
|---|---|
| Đới nóng | quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình năm không thấp hơn 20°C, Gió thổi thường xuyên là gió Mậu dịch. |
| 2 đới ôn hoà | có nhiệt độ không khi trung bình năm dưới 20°C, tháng nóng nhất không thấp hơn 10°C; Gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới |
| 2 đới lạnh | là khu vực có băng tuyết hầu như quanh năm, nhiệt độ trung bình của tất cả các tháng trong năm đều dưới 10°C.; Gió thổi thường xuyên là gió Đông cực |

## Hoạt động 2.3: Biến đổi khí hậu

**a. Mục đích:** HS biết được nguyên nhâ, biểu hiện và hậu quả của biến đổi khí hậu
**b. Nội dung:** Tìm hiểu 3. Biến đổi khí hậu
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>Nguyên nhân – Nhóm 1,2<br>Biểu hiện – Nhóm 3,4<br>Hậu quả – Nhóm 5,6<br>Giải pháp – Nhóm 7,8<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3. Biến đổi khí hậu** |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả | |

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

**Bảng chuẩn kiến thức.**

| | |
|---|---|
| **Nguyên nhân** | Có nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do tăng nhanh của khí CO2 |
| **Biểu hiện** | biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thuỷ văn cực đoan. |
| **Hậu quả** | làm cho thiên tai xảy ra ngày càng nhiều và khốc liệt. |
| **Giải pháp** | sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế dùng túi ni-lông, tích cực trồng cây xanh, bảo vệ rừng,... |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Em hãy chuẩn bị một số nội dung để tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu cho gia đình cũng như những người xung quanh<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |

| | |
|---|---|
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 18. THỰC HÀNH:**
**PHẦN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ,LƯỢNG MƯA**
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Phân tích đuọo biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.
- Xác định đuxyc đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | |

| | |
|---|---|
| GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Hướng dân đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa

**a. Mục đích:**

**b. Nội dung: Hướng dân đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa**

**c. Sản phẩm:**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br> 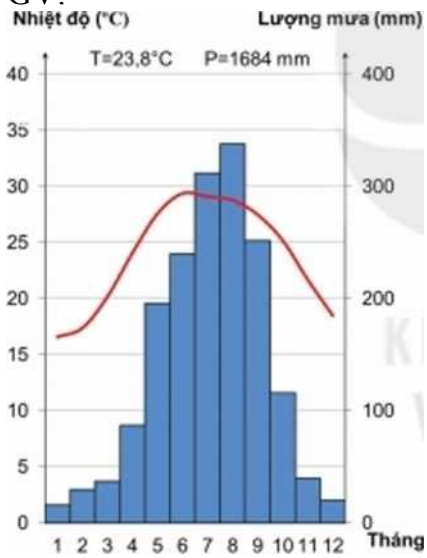 <br><br>Quan sát hình 1, em hây cho biết:<br>- Trục bên tay trái thể hiện yếu tố nào. Đơn vị đo của yếu tố đó.<br>- Trục bên tay phải thể hiện yếu tố nào. Đơn vị đo của yếu tố đó.<br>- Biểu đồ cột màu xanh thể hiện cho yếu tố nào.<br>- Đường biểu diễn màu đỏ thể hiện yếu tố nào.<br>Trục ngang thể hiện yếu tố nảo<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Hướng dân đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa** |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2:Nội dung thực hành

**a. Mục đích:** HS biết vận dụng lí thuyết vừa học vào để đọc biểu đồ lượng mưa

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Nội dung thực hành

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung chính</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập<br>GV<br>Quan sát hình 2, em hãy:<br>- Xác định vị trí của các địa điểm trên bản đồ (thuộc đới khí hậu nào).<br>- Hoàn thành bảng gợi ý theo mẫu sau vào vở để đọc được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của Tích-xi, Xơ-un, Ma-ni-la.<br>- Nêu đặc điểm về nhiệt độ, lượng mưa của ba địa điểm trên
<table>
<tr><td></td><td>Tích-xi</td><td>Xơ-un</td><td>Ma-ni-la</td></tr>
<tr><td colspan="4">Vé nhiệt độ</td></tr>
<tr><td>Nhiệt độ tháng cao nhất (°C)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Nhiệt độ tháng thấp nhất (°C)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Biên độ nhiệt độ năm (°C)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Nhiệt độ trung bình năm (°C)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="4">Vé lượng mưa</td></tr>
<tr><td>Lượng mưa tháng cao nhất (mm)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Lượng mưa tháng thấp nhất (mm)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Lượng mưa trung bình năm (mm)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ</td><td rowspan="4">2. Nội dung thực hành</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời</td></tr>
<tr><td>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận<br>HS: Trình bày kết quả</td></tr>
</table>

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc biểu đồ lượng mưa của tỉnh mình sinh sống<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

# TÊN BÀI DẠY: BÀI 19. THUỶ QUYỂN VÀ VÒNG TUẦN HOÀN LỚN CỦA NƯỚC

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
- Có ý thức sử dụng hợp li và bảo vệ tài nguyên nước

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br> <br><br>quan sát bứa tranh và đọc tình huống sau.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Thuỷ quyển

**a. Mục đích:** HS hiểu khái niệm thuỷ quyển, các thành phần cảu thuỷ quyển

**b. Nội dung:** Thuỷ quyển

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và câu trả lời của HS

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>Quan sát hình 1 và đọc thông tin trong mục 1, em hãy:<br>- Nêu khái niệm thuỷ quyển<br>- Kể tên các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.<br>- Cho biết nước ngọt tồn tại dưới những dạng nào. Nêu tỉ lệ của từng dạng.<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **l.Thuỷ quyển**<br>- KN: Thuỷ quyển là toàn bộ lớp nước bao quanh Trái Đất, nằm trên bề mặt và bên trong của vỏ Trái Đất;<br>- Gồm nước ở các đại dương, biển, sông, hồ, đầm lầy, nước dưới đất (nước ngầm), tuyết, băng và hơi nước trong khí quyển |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Vòng tuần hoàn lớn của nước

**a. Mục đích:** HS biết được các bước trong vòng tuần hoàn lớn của nước

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Vòng tuần hoàn lớn của nước

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS Quan sát sơ đồ hình 2 và kết hợp với hiểu biết của em, hãy:<br>- Cho biết nước mưa rơi xuống bề mặt đất sẽ tồn tại ở những đâu.<br>Mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước | **2.Vòng tuần hoàn lớn của nước** |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | 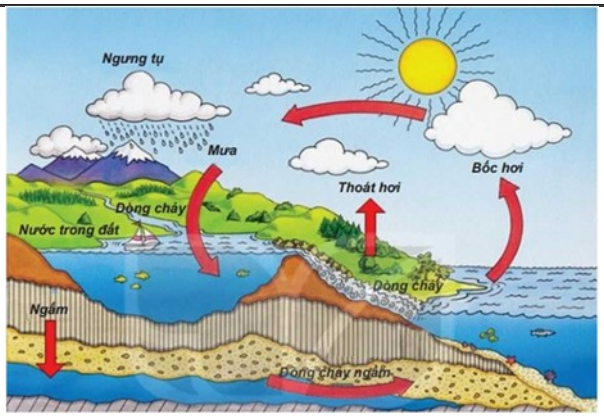 |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang suy giảm về số lượng và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu và cho biết, tình trạng đó dẫn đến những hậu quả gì<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả | |

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 20. SÔNG VÀ HỒ.**
**NƯỚC NGẦM VÀ BĂNG HÀ**
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.
- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.
- Có ý thúc sử dụng hợp li và bảo vệ nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | |

| | |
|---|---|
| GV: nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà là nguồn nước ngọt chính trên Trái Đất. Các nguồn nước; này có vai trò như thế nào đối với tự nhiên và đời sống con người? Làm thế nào để sử dụng chúng đạt hiệu quả cao?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Sông, hồ

**a. Mục đích:** HS biết được khái niêm, cấu tạo, vai trò cảu nước của sông và hồ

b. Nội dung: Sông, hồ

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>**a/ Sông**<br>? Sông là gì?<br>? Những nguồn cung cấp nước cho dòng sông<br>GV: Cho HS quan sát bảng số liệu ( 71SGK)<br>GV: Em hây nêu mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước sông<br>? Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là gì?<br>**b/ Sứ dụng tổng hợp nước sông, hồ**<br>1/ Em hãy cho biết nước sông, hồ có vai trò như thề nào đối với đời sống và sản xuất..<br>2. Đọc thông tin trong mục b, quan sát hình 2 và dựa vào hiểu biết của em, hãy cho biết việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ có thề mang lại những lợi ích gì. Nêu ví dụ<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Sông, hồ**<br>**a/ Sông.**<br>- Sông là dòng chảy thường xuyên của nước, tương đối ổn định trên bề mặt lục địa .<br>- Nguồn cung cấp cho sông: Nước mưa, nước ngầm, băng tuyết tan.<br>- Diện tích đất đá cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là lưu vực sông .<br>- Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là hệ thống sông.<br>**b/ Sứ dụng tổng hợp nước sông, hồ** .<br>Nước sông, hồ được con người sử dụng vào nhiều mục đích: giao thông, du lịch, nước cho sinh hoạt, tưới tiêu, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, làm thuỷ điện. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |

| Nguồn cung cấp | |
|---|---|
| Diện tích | |
| Sông chính | |
| phụ lưu | |
| | |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Nước ngầm (nước dưới đất)

**a. Mục đích:** HS biết được các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm. và giá trị của nguồn nước ngầm.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Nước ngầm (nước dưới đất)

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV Dựa vào hình 3, em hãy cho biết nước ngầm được hình thành như thế nào.<br>2. Nước ngầm chủ yếu được sử dụng vào mục đích gì?<br>3. Nêu một số biện pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Nước ngầm (nước dưới đất)**<br><br>- các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm :Lượng nước ngầm nhiều hay ít, mực nước ngầm nông hay sâu phụ thuộc vào địa hình, nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi,...<br>-Vai trò: nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước tưới quan trọng trên thế giới. Nước ngầm góp phần ổn định dòng chảy của sông ngòi; đồng thời, cố định các lớp đất đá bên trên, ngăn chặn sự sụt lún |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: Băng hà (sông băng)

**a. Mục đích:** HS biết được vai trò của băng hà đối với tự nhiên và đời sống con người

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Băng hà (sông băng)

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc thông tin SGK và cho biết<br>Vai trò của băng hà đối với tự nhiên và đời sống con người<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Băng hà (sông băng)**<br><br>Băng hà góp phần điều hoà nhiệt độ trên Trái Đất, cung cấp nước cho các dòng sông |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS hoàn thành các yêu cầu sau.<br>1/ Thu thập thông tin và cho biết trong các sông: sông Đà, sông Luộc, sông Đuống, sông Lô, sông nào là phụ lưu, sông nào là chi lưu của sông Hồng.<br>2/ Việc khai thác nước ngầm vượt quá giới hạn cho phép sẽ gây ra hậu quả như thế nào?HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 21. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.
- Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.
- Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Nước mặn chiếm 97,5% khối nước trên Trái Đất, gần như toàn bộ nằm trong các biển và đại dương. Nước trong các biển và đại dương có nhiệt độ và độ muối khác nhau theo và độ và luôn vận động<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ | |

| | |
|---|---|
| HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Đại dương thế giới

**a. Mục đích: kể tên được các đại dương trên thế giới**
**b. Nội dung: Đại dương thế giới**
**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc thông tin SGK và quan sát H1 cho biết<br>Xác định vị trí các đại dương trên hình 1. Cho biết mỗi đại dương tiếp giáp với các châu lục nào<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Đại dương thế giới**<br>- Đại dương thế giới là lớp nước liên tục, bao phủ hơn 70% diện tích bề mặt Trái Đất.<br>- Bao gồm: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Độ muối, nhiệt độ của nước biển

**a. Mục đích:** HS biết được độ mặn TB của nước biển; nhiệt độ trung bình của nước biển
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Độ muối, nhiệt độ của nước biển
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV : Dựa vào thông tin trong mục 2, em hây nhận xét sự thay đổi của độ muối và nhiệt độ giữa vùng biển nhiệt đới với vùng biển ôn đới<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Độ muối, nhiệt độ của nước biển**.<br>- Nước ở biển và đại dương có vị mặn. Độ muối trung bình của nước đại dương là 35%O.<br>- Nhiệt độ trung bình bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là khoảng 17°c |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |

| | |
|---|---|
| HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: 3. Một số dạng vận động của nước biển và đại dương

**a. Mục đích:** HS biết được các hình thức vận động và đặc điểm của từng vận động đó.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu 3. Một số dạng vận động của nước biển và đại dương

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>Tên các hình thức vận động \| Đặc điểm<br>\| \|<br>\| \|<br>\| \|<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Một số dạng vận động của nước biển và đại dương**<br>**a. Sóng biển :**<br>- Sóng là sự chuyển động tại chỗ của các lớp nước trên mặt<br>- Gió là nguyên nhân chính tạo ra sóng. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn<br>**b. Thuỷ triều:**<br>- Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng lên, hạ xuống trong một thời gian nhất định (trong ngày).<br>**c/ Dòng biển.**<br>- Dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương<br>- Có hai loại dòng biển: dòng biển nóng và dòng biển lạnh |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
|---|
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |

| Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập |
|---|
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:<br>1/ Sưu tầm thông tin về việc con người khai thác năng lượng từ sóng và thuỷ triều.<br>2/ Hãy sưu tầm tư liệu về ảnh hưởng của dòng biển nóng và dòng biển lạnh đối với các vùng ven bờ nơi chúng chảy qua.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

# TÊN BÀI DẠY: BÀI 22. LỚP ĐẤT TRÊN TRÁI ĐẤT

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Nêu được các tầng đất và các thành phần chinh của đất.
- Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.
- Kể được tén và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điền hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.
- Có ỷ thức sử dụng hợp lí và bảo vệ đất.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Đất là một trong các thành phần tự nhiên của Trái Đất. Sự sống trên Trái Đất đuọc bao bọc, nuôi dưỡng và phát triển nhờ đất. Em có biết: Đất gồm những thành phần nào? Đất dược hình thành như thế nào? Trên Trái Đất có bao nhiêu nhóm đất điển hình?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Các tầng đất

**a. Mục đích:** kể tên được các tầng của đất và vai trò cảu tầng chứa mùn.

**b. Nội dung:** Các tầng đất

**c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: 1. Quan sát hình 1, em hãy kể tên các tầng | **1/ Các tầng đất**<br>-Gồm 3 tầng: Tầng đá mẹ, |

| | |
|---|---|
| đất<br> <br><br>Hình 1. Các tầng đất<br>2. Trong các tầng đất, tầng nào trực tiếp tác động đến sự sinh trưởng và phát triển của thực vật<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | tầng tích tụ và tầng chứa mùn.<br>- Trong đó tầng tích tụ có tác động mạnh mẽ đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Thành phần của đất

**a. Mục đích:** HS biết được các thành phần trong đất và tỉ lệ các thành phần đó.
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Thành phần của đất
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>1. Quan sát hình 2, cho biết đất bao gồm những thành phần nào. Thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong đất?<br>2. Tại sao chất hữu cơ chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong đất nhưng lại có ý nghĩa quan trọng đối với cây trồng?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Thành phần của đất**<br>Đất bao gồm nhiều thành phần: khoáng, chất hữu cơ, không khí và nước.<br> <br> |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | Tỉ lệ các thành phần trong đất thay đổi tuỳ thuộc vào điều kiện hình thành đất ở từng nơi. |

| | |
|---|---|
| GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: Các nhân tố hình thành đất

**a. Mục đích:** HS biết được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Các nhân tố hình thành đất

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>1/ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất.<br>2/ Dựa vào hình ảnh và thông tin trong mục 3, em hãy trình bày nhân tố hình thành đất mà em cho là quan trọng nhất và giải thích cho sự lựa chọn đó.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Các nhân tố hình thành đất**<br><br>- Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian.<br><br>- Trong đó nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất là đá mẹ. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.4: Một số nhóm đất điển hình trên Trái Đất

**a. Mục đích:** HS kể tên được 1 số loại đất có diện tích lớn trên thê giới

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Một số nhóm đất điển hình trên Trái Đất

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>1/ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất.<br>2/ Dựa vào hình ảnh và thông tin trong mục 3, em hãy trình bày nhân tố hình thành đất mà em cho là quan trọng nhất và giải thích cho sự lựa chọn đó.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **4/ Một số nhóm đất điển hình trên Trái Đất**<br><br>- Dựa vào quá trình hình thành và tinh chất đất.<br><br>- Đất đen thảo nguyên ôn đới, đất pốt dôn vả đất đỏ vàng nhiệt đới là một số nhóm đất điển hình. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS hoàn thành các nội dung sau.<br>1. Dựa vào bản đồ hình 5, cho biết tên nhóm đất phổ biến ở nước ta.<br>2. Tại sao để bảo vệ đất, chúng ta phải phủ xanh đất trống, đồi núi trọc?<br>3. Con người có tác động như thế nào đến sự biến đổi đất?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 23. SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Nêu dược vi dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương.
- Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Các cơ thể sống tồn tại và phát triển ở các môi trường khác nhau đã tạo nén sự khác biệt, tính đa dạng của sinh vật trên Trái Đất. Vậy sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất biểu hiện như thế nào?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Sự đa dạng của sinh vật dưới đại dương

**a. Mục đích: Giúp HS thấy được sự đa dạng của sinh vật dưới đáy đại dương**
**b. Nội dung: Sự đa dạng của sinh vật dưới đại dương**
**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Quan sát hình 1, em hãy kể tên một số loài sinh vật ở các vùng biển trong đại dương.<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Sự đa dạng của sinh vật dưới đại dương**<br><br>Sinh vật dưới đáy đại dương rất đa dạng về số lượng và thành phần loài. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2:Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa

**a. Mục đích:** HS biết được sự đa dạng của sinh vật trên lục địa.
**b. Nội dung:** Tìm hiểu Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS Đọc thông tin và các hình ảnh trong mục 2, em hãy:<br>1. Kể tên một số loài thực vật, động vật ở các đới mà em biết.<br>2. Nêu sự khác nhau về thực vật giữa rừng mưa nhiệt đới với rừng lá kim và đài nguyên.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa.**<br>**a) Thực vật**<br>- Phong phú, đa dạng, có sự khác biệt rõ rệt giữa các đới khí hậu<br><br>**b) Động vật**<br>Động vật chịu ảnh hưởng của khí hậu ít hơn thực vật, do động vật có thể di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Giới động vật trên các lục địa cũng |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả | |

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | hết sức phong phú, đa dạng, có sự khác biệt giữa các đới khí hậu. |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS hoàn thành các nội dung sau.<br>1- Hãy trình bày sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất.<br>2. Có nhiều loài sinh vật đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt ' K chủng. Theo em nguyên nhân do đâu? Hãy nêu một số biện pháp để bảo vệ các loài đó.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 24. RỪNG NHIỆT ĐỚI**
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Trình bày được đặc điểm cùa rừng nhiệt
- Có ý thức báo vệ rừng

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Trong các thảm thực vật ở đới nóng, rừng nhiệt đới có vai trò hết súc quan trọng đối với môi trường trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới có đặc điểm gì? Cần làm gì để bảo vệ rùng nhiệt đới?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | |

| | |
|---|---|
| GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1:

**a. Mục đích:** HS nêu được sự phân bố, nhiệt độ, lượng mưa và sự phong phú cảu sinh vật

**b. Nội dung: Đặc điểm rừng nhiệt đới**

**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS thảo luận nhóm và hoàn thành bảng sau.<br>Phân bố<br>Nhiệt độ TB<br>Lượng mưa TB<br>Động vật<br>Thực vật<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Đặc điểm rừng nhiệt đới**<br>(Bảng chuẩn kiến thức) |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

**Bảng chuẩn kiến thức.**

| | |
|---|---|
| Phân bố | Từ vùng Xích đạo đến hết vành đai nhiệt đới ở cả bán cầu Bắc và bán cầu Nam |
| Nhiệt độ TB | Nhiệt độ trung bình năm trên 21 °C |
| Lượng mưa TB | Lượng mưa trung bình năm trên 1 700 mm |
| Động vật | Động vật rất phong phú, nhiều loài sống trên cây, leo trèo giỏi như khỉ, vượn,... nhiều loài chim ăn quả có màu sắc sặc sỡ |
| Thực vật | Rừng gồm nhiều tầng: trong rừng có nhiều loài cây thân gỗ, dây leo chằng chịt; phong lan, tầm gửi, địa y bám trên thân cây |

### Hoạt động 2.2: Bảo vệ rừng nhiệt đới

**a. Mục đích:** HS biết được vai trò cảu rừng nhiệt đới đối với sự sống của nhân loại và các giải pháp bảo vệ rừng

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Bảo vệ rừng nhiệt đới

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|

| | |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS thảo luận cặp đôi các nội dung.<br>- Vai trò của rừng nhiệt đới.<br>- Hiện trạng rừng nhiệt đới.<br>- Các giải pháp bảo vệ rừng<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Bảo vệ rừng nhiệt đới**<br>- **Vai trò** của rừng nhiệt đới hết sức quan trọng đối với việc ổn định khí hậu Trái Đất, đồng thời là nơi bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn dược liệu, thực phẩm vả gỗ<br>- **Hiện trạng** rừng nhiệt đới diện tích rừng nhiệt đới đang giảm ở mức báo động, mỗi năm mất đi 130 nghìn km do cháy rừng và các hoạt động của con người<br>- **Các giải pháp** bảo vệ rừng mỗi chúng ta cần có hành động cụ thể như sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng một cách tiết kiệm và hợp lí, đồng thời bảo vệ và phát triển rừng. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS hoàn thành các nội dung sau.<br>1/ Hãy giải thích vì sao rừng nhiệt đới có nhiều tầng.<br>2/ Ở Việt Nam, kiểu rừng nhiệt đới nào chiếm ưu thế? | |

| | |
|---|---|
| Em hãy tìm hiểu về kiểu rừng đỏ.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 25. SỰ PHÂN BỐ CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN TRÊN TRÁI ĐẤT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Nêu được đặc điểm của các đói thiên nhiên trên Trái Đất.
- Xác định dược trên bản đổ sự phàn bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Điều kiện khi hậu ở đới nóng, đới ôn hoà, đới lạnh khác nhau dẫn đến các đặc điểm đất, sinh vật,... củng khác nhau, hình thành nén các đới thiên nhiên. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất khác nhau như thế nào?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Đới nóng

**a. Mục đích: HS biết được sự đa dạng về động thực vật ở đới nóng.**

**b. Nội dung: Đới nóng**

**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Dựa và thông tin SGK, HS nêu đặc điểm về khí hậu và sinh vật ở đới nóng.<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Đới nóng**<br>- Là nơi có nhiệt độ cao.<br>- Giới thực, động vật hết sức đa dạng, phong phú. Như rừng Xavan, linh dương, ngựa vằn … |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Đới ôn hoà

**a. Mục đích:** HS biết được đặc điểm khí hậu và sinh vật đới ôn hoà

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Đới ôn hoà

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết: | **2/ Đới ôn hoà**<br>- Khí hậu mang tính |

| | |
|---|---|
| 1/ Đặc điểm khí hậu đới ôn hoà.<br>2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | trung gian giữa đới nóng và đới lạnh<br>- Cảnh quan thay đổi theo vĩ độ và ảnh hưởng của dòng biển nóng cùng gió Tây ôn đới.<br>- Thực vật chủ yếu là cây lá kim: thông, linh sam, vân sam, tuyết tùng,... Động vật chủ yếu là sóc, nhím, gấu nâu, chó sói, hổ Tai-ga |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: Đới lạnh

**a. Mục đích:** HS biết được sự khắc nghiệt của khí hậu và sự nghèo nàn của thực vật

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Đới lạnh

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết:<br>1/ Đặc điểm khí hậu đới lạnh.<br>2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Đới lạnh**<br>- Khí hậu vô cùng khắc nghiệt, băng tuyết quanh năm.<br>- Thực vật thấp lùn, chủ yếu là rêu, địa y và các loại cây thân thảo tồn tại trong mùa hạ ngắn ngủi, tạo nên cảnh quan đài nguyên.<br>- Động vật là các loài thích nghi được với khí hậu lạnh như gấu trắng, chim cánh cụt,... |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |

| |
|---|
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

### Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Tìm và xác định vị trí của nước ta trên hình 2. Từ đó, nêu một số đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

## TÊN BÀI DẠY: BÀI 26. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ĐỊA PHƯƠNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.
- Yéu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Nêu hiểu biết của bản thân về môi trương tự nhiên của địa phương mình<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Gợi ý một số nội dung

**a. Mục đích:** HS nắm được các nội dung cần thực hiện trong việc tìm hiểu về môi trường tự nhiên của tỉnh mình.

**b. Nội dung:** Gợi ý một số nội dung

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS tiếp cận cá nội dung nghien cứu<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Gợi ý một số nội dung**<br>**Nội dung 1: Địa hình**<br>- Đặc điểm chung<br>-Các dạng địa hình chinh<br>-Mối quan hệ giữa địa hình với các thành phần tự nhiên khác (khi hậu, sông ngòi, đất trồng, sinh vật)<br>**Nội dung 2: Khí hậu**<br>-Đặc điểm chung |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | |

| | |
|---|---|
| **học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | -Các nét đặc trưng của khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió,...)<br>-Mối quan hệ giữa khí hậu và các thành phần tự nhiên khác (địa hình, sông ngòi, đất trồng, sinh vật)<br>**Nội dung 3: Sông ngòi**<br>-Mạng lưới sông ngòi<br>-Đặc điểm chính của sông ngòi (hướng dòng chảy, mùa lũ - mùa cạn)<br>-Mối quan hệ giữa sông ngòi với các thành phần tự nhiên khác (địa hình, khi hậu,...)<br>**Nội dung 4: Đất**<br>-Các loại đất. Đặc điểm chung của đất<br>-Phân bố đất ở địa phương<br>-Mối quan hệ giữa đất với các thành phần tự nhiên khác (địa hình, khí hậu, sông ngòi,...)<br>**Nội dung 5: Sinh vật**<br>-Hiện trạng thảm thực vật tự nhiên (đặc biệt là độ che phủ)<br>-Các loài động vật hoang dã<br>-Mối quan hệ giữa thực vật với động vật, giữa sinh vật với các thành phần tự nhiên khác (khí hậu, đất,...) |

## Hoạt động 2.2: Cách thức tiến hành

**a. Mục đích:** HS biết được cách thức nghiên cứu, tìm hiểu về môi trương ftuwj nhiên của tỉnh.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Cách thức tiến hành

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: hướng dẫn HS các bước làm như sau.<br>a)Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung<br>b)Phân công nhiệm VỊI cho các thành viên trong nhóm<br>c)Xác định thời gian và địa điểm tham quan ở địa phương<br>d)Thu thập tài liệu và xứ lí tài liệu<br>- Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng | **2/ Cách thức tiến hành** |

| | |
|---|---|
| internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương.<br>- Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương.<br>- Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học).<br>- Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được.<br>đ) Viết báo cáo<br>- Viết báo cáo<br>Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích):<br>+ Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu mối trường tự nhiên.<br>+ Nêu hiện trạng và nguyên nhân.<br>+ Một số giải pháp.<br>- Trình bày báo cáo<br>+ Phân công người báo cáo trước lớp.<br>+ Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,...<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Viết báo cáo<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

## TÊN BÀI DẠY: BÀI 27. DÂN SỐ VÀ SỰ PHÂN BỐ DÂN Cư TRÊN THẾ GIỚI

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Biết được số dàn trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phàn bố dàn cư trên thế giới.
- Đọc được biểu đò quy mô dàn số thế giới.
- Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dàn nhất thế giới

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**
**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Người hiện đại đầu tiên xuất hiện cách đây khoảng 40 000 năm. Đến nay, số lượng người trên Trái Đất đã lên tới hàng tỉ người và phân bố khắp các châu lục (trừ châu Nam Cực).<br>Em có biết số dân và sự phân bố dân cư trên thế giới thay đổi như thế nào không?<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Dân số trên thế gi

**a. Mục đích:** Hs biết số dân, sự gia dân số thế giới trong những năm gần đây

**b. Nội dung:** Dân số trên thế giới

**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, | **1/ Dân số trên thế giới**<br>- Năm 2018, thế giới có 7,6 tỉ dân, sống trong hơn |

| | |
|---|---|
| 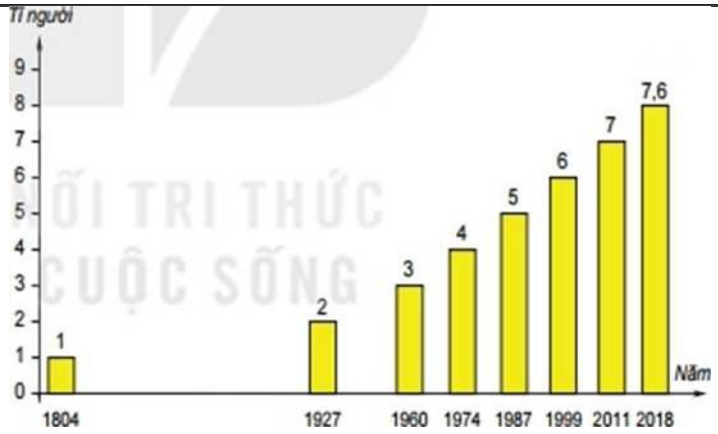 <br>em hãy cho biết:<br>- Số dân thế giới năm 2018.<br>- Số dân thế giới thay đổi như thế nào qua các năm.<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | 200 quốc gia và vùng lãnh thổ.<br>- Số dân của các quốc gia rất khác nhau và luôn biến động. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Phân bố dân cư thế giới

**a. Mục đích:** HS biết được sự phân bố dân cư trên thế giới là rộng khắp nhưng chưa đồng đều

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Phân bố dân cư thế giới

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS Dựa vào hình 2, em hãy:<br>- Xác định các khu vực trên thế giới có mật độ dân số trên 250 người/km2 và các khu vực có mật độ dân số dưới 5 người/km2.<br>- Nêu một số ví dụ cụ thể để thấy điều kiện tự nhiên hoặc kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư trên thể giới.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Phân bố dân cư thế giới**<br>- Phân bố dân cư và mật độ dân số thế giới thay đổi theo thời gian và không đều trong không gian<br>- Nơi đông dân: nơi kinh tế phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi<br>- Nơi thưa dân: các vùng khí hậu khắc nghiệt (băng giá, hoang mạc khô hạ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |

| | |
|---|---|
| HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3: Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới

**a. Mục đích:** HS biết được một số thành phố đông dân trên thế giới

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Dựa vào bản đồ hình 4 và bảng số liệu trang 196, em hãy:<br>1. Kể tên năm thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018.<br>2. Cho biết châu lục nào có nhiều siêu đô thị nhất<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới**<br>(Bảng kiến thức) |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

**Bảng kiến thức.**

| STT | TÊN THÀNH PHỐ | QUỐC GIA | SỐ DÂN (Triệu người) |
|---|---|---|---|
| 1 | Tô-ky-ô | Nhật Bản | 37,5 |
| 2 | Niu Đê-li | Ấn Độ | 28,5 |
| 3 | Thượng Hải | Trung Quốc | 25,6 |
| 4 | Xao Pao-lô | Bra-xin | 21,7 |
| 5 | Mê-hi-cô Xi-ti | Mê-hi-cô | 21,6 |
| 6 | Cai-rô | Ai Cập | 20,1 |
| 7 | Mum-bai | Ấn Độ | 20,0 |
| 8 | Đắc-ca | Băng-la-đét | 19,6 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 9 | Bắc Kinh | Trung Quốc | 19,6 |
| 10 | ô-xa-ca | Nhật Bàn | 19,3 |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:<br>1/ Cho biết sự gia tăng dân số thế giới quá nhanh sẽ dẫn tới những hậu quả gì về đời sống, sản xuất và môi trường.<br>2/ Dựa vào hình 3 và tìm hiểu thông tin về thành phố Tô-ky-ô, sau đó chia sẻ với các bạn.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

# TÊN BÀI DẠY: BÀI 28. MÔI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Nêu được các tác động của thiên nhiên lén hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.
- Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Yéu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Đời sống và sản xuất của con người không thể tách rời thiên nhiên Trái Đất. Thiên nhiên là môi trường sống của con người, đồng thời thiên nhiên cũng chịu tác động của con người<br>Bài học này cho chúng ta thấy thiên nhiên tác động đến con người như thế nào và con người tác động lại thiên nhiên ra sao<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Tác động của thiên nhiên đến con người

**a. Mục đích: HS thấy được những tác động tích cực, tiêu cực của thiên nhiên tới con người và hoạt động sản xuất**

**b. Nội dung: Tác động của thiên nhiên đến con người**

**c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>**a) Tác động của thiên nhiên đến đời sống con người**<br>Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1,2; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên đối với đời sống con người.<br>**b) Tác động của thiên nhiên tới sản xuất**<br>Dựa vào thông tin trong mục b và các hình 3, 4, 5; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên tới sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc du lịch).<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/Tác động của thiên nhiên đến con người**<br>**a) Tác động của thiên nhiên đến đời sống con người**<br>Trong đời sống hằng ngày, thiên nhiên cung cấp những điều kiện hết sức cần thiết (không khí, ánh sáng, nhiệt độ, nước,...) để con người có thể tồn tại<br><br>**b) Tác động của thiên nhiên tới sản xuất**<br>*Đối với sản xuất nông nghiệp*<br>*Đối với sản xuất công nghiệp*<br>*Đối với giao thông vận tải và du lịch* |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

### Hoạt động 2.2: Tác động của con người tới thiên nhiên

**a. Mục đích:** HS biết được tác động tích cực và tiêu cực cảu con người tới thiên nhiên.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Tác động của con người tới thiên nhiên

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Tác động của con người tới thiên nhiên<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Tác động của con người tới thiên nhiên**<br>- Làm suy giảm nguồn tài nguyên. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | |

| | |
|---|---|
| GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | - Làm ô nhiễm môi trường.<br>- Con người ngày càng nhận thức được trách nhiệm của mình với thiên nhiên và đã có những hành động tích cực để bảo vệ môi trường bằng cách trồng rừng, phủ xanh đồi núi, cải tạo đất, biến những vùng khô cằn, bạc màu thành đồng ruộng phì nhiêu |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS hoàn thành các nội dung sau<br>1. Theo em, những tác động nào của con người khiến tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái.<br>2.Dựa vào hình 6, 7 và hiểu biết của em, hãy kể tên một số loại rác thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp do con người đưa vào môi trường thiên nhiên<br><br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả | |

| | |
|---|---|
| GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**TÊN BÀI DẠY: BÀI 29. BẢO VỆ TỰ NHIÊN VÀ KHAI THÁC THÔNG MINH CÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

•Nêu đuọc ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững.

• Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên ở địa phương

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | |

GV: HS quan sát và đọc lại cuộc thoại sau.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
HS: Trình bày kết quả

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới
HS: Lắng nghe, vào bài mới

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1: Thế nào là phát triển bền vững?

**a. Mục đích: HS biết dược khái niệm phát triển bền vững.**
**b. Nội dung: Thế nào là phát triển bền vững?**
**c. Sản phẩm: câu trả lời của HS**
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>1/ Khái niệm phát triển bền vững.<br>2/ hãy nêu một số tác động của con người tới thiên nhiên sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau.<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Thế nào là phát triển bền vững?**<br>KN: Sự phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu của các thế hệ tương lai gọi là phát triển bền vững |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng | |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên

**a. Mục đích:** HS biết được

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS đọc thông tin SGK, thảo luận cặp đôi và cho biết:<br>1. Em hãy cho biết ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên thiên nhiên.<br>2. Để bảo vệ môi trường, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?<br>3. Dựa vào sơ đồ trên và hình 1, em hãy lấy ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên**<br>- Ý nghĩa: giữ gìn sự đa dạng sinh học, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường tự nhiên. Nhờ đó, bảo vệ được không gian sống của con người, đảm bảo cho con người tồn tại trong môi trường trong lành, thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội.<br>- Sử dụng tài nguyên hợp lí, tiết kiệm nhằm hạn chế sự suy giảm tài nguyên cả về số lượng và chất lượng, |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |
|---|
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS hoàn thành những nội dung sau.<br>1/ Em hãy nêu một số việc có thể làm hằng ngày để bảo vệ môi trường.<br>2. Thu thập thông tin về việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên để phát triển bền vững ở địa phương em.<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

## TÊN BÀI DẠY: BÀI 30. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU MÔI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

## I. MỤC TIÊU :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở' địa phương.
- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương

**2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Hoạt động 1: Mở đầu

**a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV:<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung<br>HS: Trình bày kết quả | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới<br>HS: Lắng nghe, vào bài mới | |

### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1:

**a. Mục đích:**

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:**

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý một số nội dung<br>Chọn một trong các nội dung sau đây:<br>a) Nội dung 1: Nguồn lợi tự nhiên ở địa phương<br>- Tài nguyên đất<br>- Tài nguyên sinh vật<br>- Tài nguyên khoáng sản<br>- Tài nguyên nước,...<br>- Vai trò của nguồn lợi tự nhiên với đời sống và sản xuất<br>b) Nội dung 2: ó nhiễm môi trường | **1. Gv gợi ý 1 số nội dung cho các nhóm lựa chọn.**<br><br>Sự lựa chọn của các nhóm<br>- Nhóm 1. Nội dung 3.<br>- Nhóm 2: nội dung 4.<br>- Nhóm 3. Nội dung 1<br>- Nhóm 4 nội dung 2 |

| | |
|---|---|
| - ô nhiễm không khí<br>- ô nhiễm nước<br>- ô nhiễm đất<br>- Hậu quả và biện pháp khắc phục<br>c) Nội dung 3: Thiên tai và phòng chống thiên tai<br>- Các thiên tai: bão, lũ, hạn hán, trượt lở đất, xâm nhập mặn,...<br>- Các biện pháp phòng chống thiên tai ở địa phương<br>d) Nội dung 4: Bảo vệ thiên nhiên<br>- Sử dụng tài nguyên hợp lí<br>- Cải tạo thiên nhiên: đất, nước, không khí,...<br>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.2: Cách thức tiến hành

**a. Mục đích:** HS biết được các bước tiến hành

**b. Nội dung:** Tìm hiểu Cách thức tiến hành

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>a) Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung<br>b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm<br>c) Xác định thời gian và địa điểm tham quan ở địa phương<br>d) Thu thập tài liệu và xử lí tài liệu<br>- Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương.<br>- Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương.<br>- Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học).<br>- Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được. | **2/ Cách thức tiến hành (HS làm báo cáo)** |

| | |
|---|---|
| đ) Viết bào cáo và trình bày<br>- Viết báo cáo: Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích):<br>+ Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu môi trường.<br>+ Nêu hiện trạng và nguyên nhân.<br>+ Một số giải pháp.<br>- Trình bày báo cáo<br>+ Phân công người báo cáo trước lớp.<br>+ Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,...<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 2.3:

**a. Mục đích:** HS biết được
**b. Nội dung:** Tìm hiểu
**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3.** |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: Trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng<br>HS: Lắng nghe, ghi bài | |

## Hoạt động 3: Luyện tập.

**a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
**d. Cách thực hiện.**

| |
|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** |

| |
|---|
| GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.<br>HS: lắng nghe |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** |
| HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |
| GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học |

## Hoạt động 4. Vận dụng

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức

**c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d. Cách thực hiện.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung chính |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV: HS tiếp tục làm báo cáo<br>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ<br>HS: Suy nghĩ, trả lời | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**<br>HS: trình bày kết quả<br>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV: Chuẩn kiến thức<br>HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |